

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE

(Ban hành kèm theo Quyết định số.../QĐ-SGDVN ngày..... của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam về Quy chế Công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam/Issued with the Decision No...../QĐ-SGDVN on.....of the CEO of Vietnam Exchange on the Information Disclosure Regulation of Vietnam Exchange)

Công ty Cổ phần
Dây và Cáp điện Taya Việt Nam
Taya Vietnam Electric Wire
And Cable Joint Stock Company

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness

Số/No: 1-104/26/Taya-Vn-cbtt

Trần Biên, ngày 01 tháng 04 năm 2026

Tran Bien, April 1, 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh
To: - The State Securities Commission
- The Ho Chi Minh Stock Exchange

1. Tên tổ chức/Name of organization: Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam/Taya Vietnam Electric Wire And Cable Joint Stock Company

- Mã chứng khoán/Stock code: TYA

- Địa chỉ: số 1, đường 1A, Khu công nghiệp Biên Hòa II, Trần Biên, Đồng Nai/Address: No. 1, Street 1A, Bien Hoa II Industrial Park, Tran Bien, Dong Nai.

- Điện thoại liên hệ/Tel: 0251-3836361-4

Fax: 0251-3836388

- E-mail: vndnstock@mail.taya.com.tw

2. Nội dung thông tin công bố/Contents of disclosure:

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam Báo cáo thường niên năm 2025/Taya Vietnam Electric Wire and Cable Joint Stock Company Annual Report 2025.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 01/04/2026 Tại đường dẫn: www.taya.com.vn Mục Quan hệ cổ đông→ Báo cáo thường niên/ This information was published on the company's website on April 1, 2026. At the link: www.taya.com.vn Section: Shareholder Relations → Annual Report.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/bố/We hereby certify that the information provided is true and

correct and we bear the full responsibility to the law.

Tài liệu đính kèm:

Attached documents:

- Báo cáo thường niên
/Annual Report

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam
Taya Vietnam Electric Wire And Cable Joint Stock Company

Người UQ CBTT

Person Authorized To Disclose Information



LINH THIN PAU

(Trưởng phòng Quản lý Chứng khoán)

Head of Securities Management Department

Phụ lục/Appendix IV
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
ANNUAL REPORT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)/ (Promulgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020 of the Minister of Finance)

Công ty Cổ phần
Dây và Cáp điện Taya Việt Nam
Taya Vietnam Electric Wire
and Cable Joint Stock Company
Số/No.: 104/2026/TAYA-BCTN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness
Trần Biên Hòa, ngày 01 tháng 04 năm 2026
Tran Bien, April 1, 2026

BÁO CÁO
Thường niên năm 2025
ANNUAL REPORT 2025

Kính gửi: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
Sở Giao Dịch Chứng Khoán T.p Hồ Chí Minh
To: - *The State Securities Commission;*
 - *The Ho Chi Minh Stock Exchange;*

I. Thông tin chung/Comprehensive information

1. Thông tin khái quát/Generalize information

- Tên giao dịch/*Trading name*: TAYA (VIET NAM) ELECTRIC WIRE AND CABLE JOINT STOCK COMPANY.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 472033000584 do Ban quản lý các khu công nghiệp Đồng Nai cấp lần đầu ngày 11/07/2008, cấp lần thứ bảy thay đổi ngày 07/06/2017/*Business registration certificate No. 472033000584 first issued by Dong Nai Industrial Parks Management Board on July 11, 2008, seventh change on June 7, 2017.*
- Vốn điều lệ/*Charter capital* : 306.899.450.000 đồng/VND.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu/*Owner's capital*: 640.990.552.308 đồng/VND.
- Địa chỉ/*Address*: Số 1, đường 1 A, khu công nghiệp Biên Hòa II, Trần Biên, Đồng Nai/*No. 1, Street 1A, Bien Hoa II Industrial Park, Tran Bien, Dong Nai.*
- Số điện thoại /*TelePhone*: 84-0251-3836361~4 Số fax/*Fax*: 84-0251-3836388
- Website; www.taya.com.vn
- Mã cổ phiếu/*Securities code*: TYA
- **Quá trình hình thành và phát triển/Establishment and development process:**
- + **Ngày thành lập:** Ngày 7/10/2005, Công ty chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần theo Giấy phép Đầu tư điều chỉnh số 414 CPH/GP do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp.

Date of establishment: On October 7, 2005, the Company officially switched to operating as a Joint Stock Company under the Adjusted Investment License No. 414 CPH/GP issued by the Ministry of Planning and Investment.

+ **Ngày niêm yết:** Giấy phép niêm yết cổ phiếu số: 40/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng khoán nhà nước (SSC) cấp ngày 2/12/2005.

Listing date: Stock listing license number: 40/UBCK-GPNY issued by the State Securities Commission (SSC) on December 2, 2005.

+ **Ngày cổ phiếu giao dịch chính thức:** Ngày 15 tháng 02 năm 2006 cổ phiếu Taya Việt Nam chính thức giao dịch tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán TP.HCM (nay là Sở giao dịch Chứng khoán TP.HCM)/

Official stock trading date: On February 15, 2006, Taya Vietnam shares were officially traded at Ho Chi Minh City Stock Exchange Center (now Ho Chi Minh City Stock Exchange).

2. **Ngành nghề và địa bàn kinh doanh/Industry and business area:**

- **Ngành nghề kinh doanh:** Sản xuất các loại dây điện từ và dây cáp điện cao thế và trung thế 1~35KV, dây và cáp điện hạ thế 600~1.000V, cáp điện lực XLPE 600V, cáp điện lực có giáp bằng sợi thép, băng nhôm, băng đồng, băng thép, dây cáp điện chống cháy, dây cáp điện ít khói, dây cáp điện không độc hại, dây đồng trần đơn và xoắn, cáp điều khiển, các loại dây mềm, dây điện dùng trong ô tô, sản xuất động cơ và máy bơm nước.

Business lines: Production of all kinds of magnetic wires and high and medium voltage electric cables 1 ~35KV, low voltage wires and cables 600 ~1,000V, XLPE power cables 600V, power cables with steel wire armor, aluminum tape, copper tape, steel tape, fire-resistant electric cables, low-smoke electric cables, non-toxic electric cables, single and twisted bare copper wires, control cables, all kinds of soft wires, electric wires used in automobiles, engine and water pump manufacturing.

- Thi công xây lắp các công trình điện.

Construction and installation of electrical projects.

- Thực hiện quyền xuất khẩu, nhập khẩu và quyền phân phối các mặt hàng phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật.

Implement export rights, import and distribution rights of goods in accordance with the company's production and business activities according to the provisions of law.

- Sản xuất linh kiện, thiết bị, phụ tùng dùng cho ngành điện.

Manufacturing of electrical components, equipment and spare parts.

- Thi công xây lắp các công trình dân dụng và công nghiệp.

Construction and installation of civil and industrial projects.

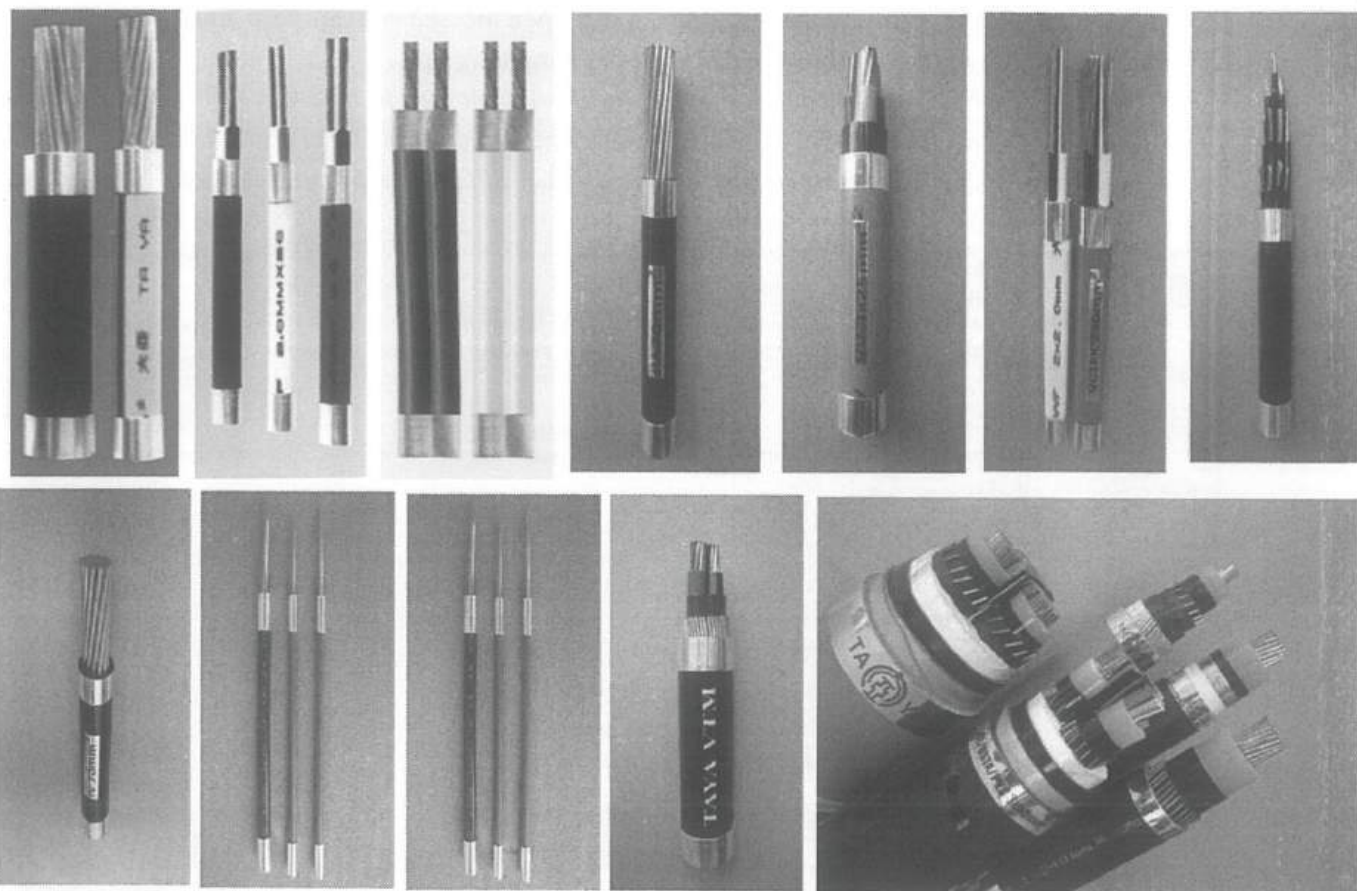
Sản phẩm tiêu biểu và hình ảnh/Typical products and images

- Dây cáp điện chống cháy, chịu nhiệt/Fire-resistant and heat-resistant electric cables.
- Dây cáp điện hạ thế từ 600V ~1.000V/Low voltage electric cables from 600V~1,000V.
- Dây cáp điện trung áp từ 1KV đến 35KV/Medium voltage electric cables from 1KV to 35KV.
- Các loại dây điện từ chịu nhiệt từ 155°C~200°C/Various heat-resistant enameled wires 155°C~200°C. (PEW, UEW, EAIW, SEIW, SPEIW...)

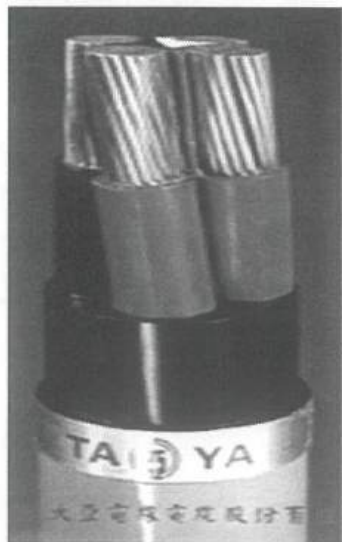
➤ **Dây cáp điện chống cháy, chịu nhiệt/Fire-resistant and heat-resistant electrical cables**



➤ **Chủng loại sản phẩm dây cáp điện hạ thế từ 600V~1.000V/Types of low voltage electric cables from 600V~1,000V**



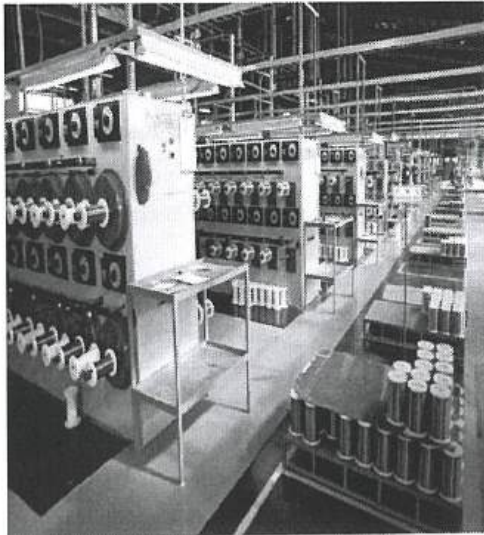
➤ Dây cáp điện trung áp từ 1KV~35 KV/Medium voltage electric cables from 1KV to 35KV



47
C
Y
T
P
4

- Các loại dây điện từ PEW (cấp chịu nhiệt 155°C), dây điện từ UEW (cấp chịu nhiệt 155°C), dây điện từ EAIW (cấp chịu nhiệt 200°C), dây điện từ SEIW (cấp chịu nhiệt 180°C), dây điện từ SPEIW (cấp chịu nhiệt 180°C), dây điện từ chống tăng áp...

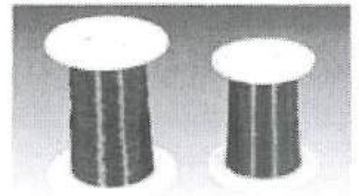
/Types of PEW electromagnetic wire (heat-resistant grade 155°C), UEW electromagnetic wire (heat-resistant grade 155°C), EAIW electromagnetic wire (heat-resistant grade 200°C), SEIW electromagnetic wire (heat-resistant grade 180°C), SPEIW electromagnetic wire (heat-resistant grade 180°C), anti-shock electromagnetic wire.



PEW

聚酯漆包銅線

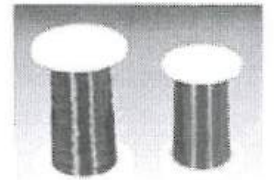
Dây điện từ Polyester
Polyester Enameled Wire
耐温等級 : 155°C
Cấp chịu nhiệt : 155°C
Thermal Rating: 155°C



PEW-NY

尼龍外被聚酯漆包銅線

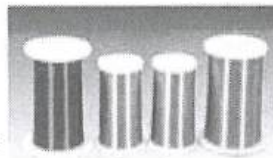
Dây điện từ Polyester với lớp Polyamide phủ ngoài
Polyamide Overcoated Polyester Enameled Wire
耐温等級 : 155°C
Cấp chịu nhiệt: 155°C
Thermal Rating: 155°C



UEW+NY

尼龍外被聚胺酯漆包銅線

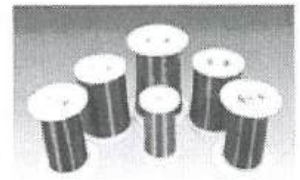
Dây điện từ Polyurethane có phủ Polyamide
Polyamide Over Polyurethane Enameled Wire
耐温等級 : 130°C/155°C
Cấp chịu nhiệt : 130°C/155°C
Thermal Rating: 130°C/155°C



UEW

聚胺酯漆包銅線

Dây điện từ Polyurethane
Polyurethane Enameled Wire
耐温等級 : 130°C/155°C/180°C
Cấp chịu nhiệt: 130°C/155°C/180°C
Thermal Rating: 130°C/155°C/180°C



EAIW

醃胺亞胺外被變性聚酯漆包銅線

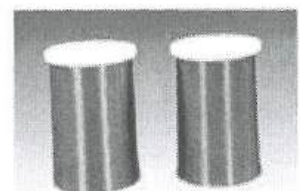
Dây điện từ Polyester-Imide được phủ Amide-Imide
Amide-Imide Overcoated Polyester-Imide Enameled Wire
耐温等級 : 200°C
Cấp chịu nhiệt: 200°C
Thermal Rating: 200°C



PVF

聚乙稀甲醛漆包銅線

Dây điện từ Polyvinyl Formal
Polyvinyl Formal Enameled Wire
耐温等級 : 105°C
Cấp chịu nhiệt: 105°C
Thermal Rating: 105°C



EAIW

醃胺亞胺外被變性聚酯漆包銅線

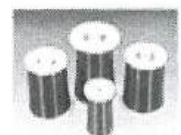
Dây điện từ Polyester-Imide được phủ Amide-Imide
Amide-Imide Overcoated Polyester-Imide Enameled Wire
耐温等級 : 200°C
Cấp chịu nhiệt: 200°C
Thermal Rating: 200°C



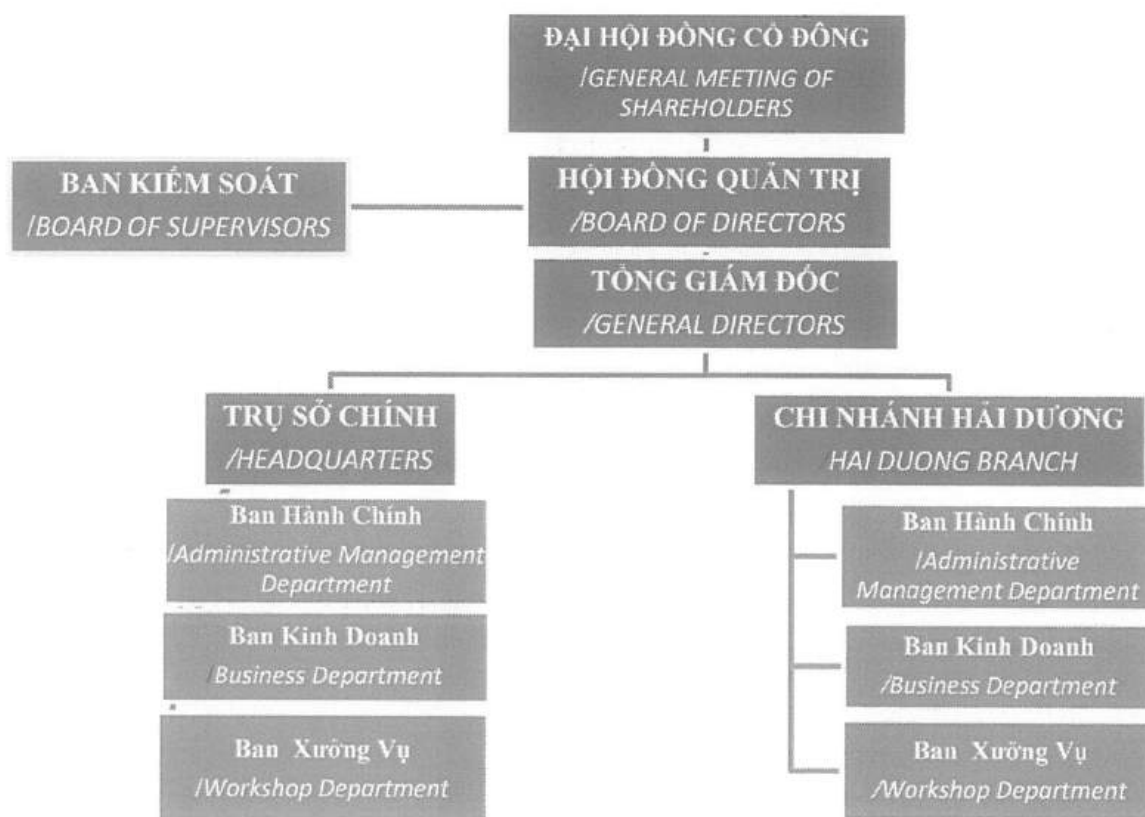
EIW

聚酯亞胺漆包銅線

Dây điện từ Polyester-Imide
Polyester-Imide Enameled Wire
耐温等級 : 180°C
Cấp chịu nhiệt: 180°C
Thermal Rating: 180°C



3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/Information about governance model, business organization and managerial apparatus:



- **Mô hình quản trị:** Gồm Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc.
Governance model: Including the General Meeting of Shareholders, Board of Directors, Board of Supervisors and General Director.
- **Tổ chức và địa bàn kinh doanh:** Công ty tổ chức địa bàn kinh doanh trải rộng khắp cả nước, chủ yếu chia thành hai phần. Thị trường từ thành phố Đà Nẵng trở vào miền nam do trụ sở chính tại tỉnh Đồng Nai phụ trách kinh doanh. Chi nhánh công ty tại thành phố Hải Phòng phụ trách cung cấp hàng hóa cho thị trường từ thành phố Đà Nẵng trở ra miền bắc.
Organization and Location business: The company organizes its business area throughout the country, mainly divided into two parts. The market from Da Nang city to the south is managed by the head office in Dong Nai province. The company's branch in Hai Phong city is in charge of supplying goods to the market from Da Nang city to the north.
- **Cơ cấu bộ máy quản lý/Management structure:**

+ **Trụ sở chính và nhà máy tại tỉnh Đồng Nai:** Nơi đặt nhà máy sản xuất của Công ty tại phía Nam, có văn phòng làm việc của Tổng Giám Đốc và Các Ban chuyên trách gồm: Ban Hành chính quản trị, Ban Kinh doanh tiếp thị, Ban Xưởng vụ.

/Head office and factory in Dong Nai province: The Company's factory is located in the South, with the office of the General Director and specialized departments including: Administrative Management Department, Marketing and Sales Department, Workshop Department.

Địa chỉ: Số 1, đường 1 A, Khu công nghiệp Biên Hòa II, phường Trăn Biên, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam./
Address: No. 1, Road 1A, Bien Hoa II Industrial Zone, Tran Bien Ward, Dong Nai Province, Vietnam

Điện thoại/TelePhone: 0251-3836 361-4

Fax: 0251-3836 388

E-mail: vndnstock@mail.taya.com.tw

Website: www.taya.com.vn

+ **Chi nhánh tại thành phố Hải Phòng:** Nơi đặt nhà máy sản xuất dây điện và cáp điện cung cấp cho thị trường từ các tỉnh phía Bắc đến Đà Nẵng. Chi nhánh Hải Phòng có cơ cấu tổ chức bộ máy tương tự như tại

Website: www.taya.com.vn

- **Các ban chuyên trách:** Là những ban trực tiếp điều hành công việc của nhà máy theo chức năng chuyên môn và nhận sự chỉ đạo của Tổng Giám đốc hoặc Phó Tổng Giám đốc (đối với chi nhánh Hải Phòng). Cơ cấu tổ chức của Taya được thiết lập bao gồm: Ban Hành chính quản trị, Ban kinh doanh tiếp thị, Ban Xưởng vụ. Chức năng nhiệm vụ của các Ban được quy định như sau:

/Specialized departments: These are the departments that directly manage the work of the factory with specialized functions and receive direction from the General Director or Deputy General Director (for Hai Phong branch). Taya's organizational structure is established including: Administrative Management Department, Sales and Marketing Department, Workshop Department, Its functions and tasks are as follows:

Ban Hành chính quản trị: Có chức năng quản lý nhân sự, quản lý tài chính, quản lý chứng khoán và quản lý tổng vụ. Thực hiện nhiệm vụ về kế toán và thủ quỹ, lương và các chính sách cho người lao động, xuất nhập khẩu và mua nguyên vật liệu, mua văn phòng phẩm và các thiết bị văn phòng, quản lý kho nguyên liệu.

/Administrative Management Department: Has the functions of human resource management, financial management, securities management and general management. Performs tasks related to accounting and treasury, salary and policies for employees, import and export and purchase of raw materials, purchase of stationery and office equipment, and management of raw material warehouse.

Ban kinh doanh tiếp thị: Có chức năng trong việc xác định mục tiêu, phương hướng hoạt động tiếp thị. Thực hiện nhiệm vụ mở rộng thị trường, tìm kiếm đối tác, tham gia đấu thầu cung cấp sản phẩm, xây dựng giá bán và đưa ra giải pháp hỗ trợ, thúc đẩy bán hàng, quản lý kho thành phẩm, vận tải hàng hóa.

/Sales and Marketing Department: Has the function of determining goals and directions of marketing activities. Carry out the task of expanding the market, finding partners, participating in bidding to supply products, setting selling prices and offering solutions to support and promote sales, manage finished product warehouses, and transport goods.

Ban xưởng vụ: Có chức năng trong việc điều hành sản xuất và bảo đảm chất lượng sản phẩm. Thực hiện nhiệm vụ lập kế hoạch sản xuất, kế hoạch sử dụng nguyên liệu, thực hiện các việc kiểm tra chất lượng, bảo trì sửa chữa và vận hành các máy móc thiết bị.

/Workshop department: Responsible for scheduling the company's daily production operations, inspecting and ensuring product quality, establishing production and raw material usage plans, and maintaining and repairing machinery and equipment.

- **Các công ty con, công ty liên kết:** (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết).

/Subsidiaries, associated companies: (Specify the names, addresses, major fields of production and business, paid-in charter capital, ownership percentages of the Company in such subsidiaries, associated companies)

(Không có/Do not have)

4. Định hướng phát triển/Development orientations:

4.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty/Main objectives of the Company

- a) Thực hiện công nghiệp 4.0 và đã trở thành 1 trong 50 nhà máy sản xuất xanh và sạch tại Việt Nam./ Implementing industry 4.0 and becoming one of 50 clean and green manufacturing factories in Vietnam.
- b) Xây dựng công ty trở thành nhà sản xuất dây và cáp điện hàng đầu tại Việt Nam, sản phẩm đạt chất lượng cao, có khả năng thay thế hàng nhập khẩu.
/Build the company to become a leading manufacturer of electric wires and cables in Vietnam, with quality products high, capable of replacing imported goods.

- c) Phát triển thương hiệu Taya lớn mạnh trên thị trường Việt Nam và khu vực.
/Develop Taya brand strongly in Vietnam and regional markets.
- d) Tăng trưởng doanh thu xuất khẩu đạt trên 40%/năm.
/Export revenue growth reaches over 40%/year.
- e) Chiếm 25% thị phần sản xuất dây cáp điện trong nước.
/Occupying 25% of domestic electric cable production market share.

4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn/*Development strategies in medium and long term.*

Thiết lập mục tiêu kinh doanh, sáng tạo lợi nhuận, tối đa hóa tăng trưởng giá trị tài sản dài hạn hữu hình và vô hình, kết hợp toàn diện mọi hỗ trợ đến từ các đối tác kinh doanh liên quan như: các nhà cung ứng, nhà tiêu dùng, nhân viên công ty và các tổ chức xã hội. Chuyển đổi ý tưởng “kinh doanh thu lợi” thành “đổi mới thu lợi” bao gồm: Chiến lược đổi mới về quản lý, kỹ thuật, sản phẩm và tiêu thụ, phát triển công ty ngày càng lớn mạnh và bền vững.

/Setting business goals, creating profits, maximizing the growth of tangible and intangible long-term asset value, comprehensively combining all support from related business partners such as: suppliers, consumers, company employees and social organizations. Transforming the idea of "profitable business" into "profitable innovation" including: Innovation strategies in management, technology, products and consumption, developing the company to become stronger and more sustainable.

A. Phát triển thị trường/Market development:

1. Tận dụng ưu thế thương hiệu, kỹ thuật và quản lý, tạo mối quan hệ liên kết hợp tác ngành, mở rộng quy mô kinh doanh, nâng cao vị thế tỷ trọng ngành.
/Take advantage of brand, technical and management advantages, create industry cooperation relationships, and expand business scale, enhancing industry proportion.
2. Phát triển sản phẩm ngôi sao cáp điện trung cao áp, cáp điện chịu nhiệt, chống cháy, cáp điện ít khói không độc.
/Develop star products of medium and high voltage electric cables, heat-resistant, fire-resistant electric cables, low-smoke electric cables not toxic.
3. Tích cực phát triển sản phẩm dây cáp điện bảo vệ môi trường, dây cáp điện cho năng lượng mặt trời.
/Actively develop electric cable products to protect the environment, electric cables for solar energy.

B. Phát triển nguồn nhân lực/Human resource development:

1. Đào tạo, nâng cao tay nghề công nhân/*Training and improving worker skills.*
2. Thu hút nhân sự tài năng/*Attract talented personnel.*
3. Tập huấn tại nước ngoài/*Training abroad.*
4. Đãi ngộ phù hợp với xu thế chung/*Remuneration consistent with general trends.*

C. Đầu tư phù hợp/Appropriate investment:

Giá nguyên liệu đồng thường bị chi phối bởi cung cầu thị trường thế giới và hệ lụy đầu cơ tích trữ các định chế tài chính, quỹ đầu tư quốc tế và tác động của tỷ giá hối đoái ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận kinh doanh. Nhằm giảm thiểu rủi ro, công ty ngoài mua hàng tập trung với khối lượng lớn tạo lợi thế đàm phán về giá, công ty tìm thêm nguồn cung ứng tại chỗ khác nhau, thanh toán bằng VND và đẩy mạnh xuất khẩu tăng nguồn thu ngoại tệ cần thiết cho công ty.

/Copper material prices are often influenced by supply and demand in the world market and the consequences of speculative hoarding by financial institutions, international investment funds and the impact of exchange rates that directly affect business profits. In order to minimize risks, the company, in addition to concentrated purchasing in large volumes to create an advantage in price negotiations, also seeks out different local sources of supply, pays in VND and promotes exports to increase foreign revenue Necessary currency for the company.

4.3. Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính sách

liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty/*Sustainable development goals (environmental, social and community) and related short- and medium-term policy programs of the Company*

Mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng)/*Sustainable development goals (environmental, social and community)*.

Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu suy yếu bởi ảnh hưởng của chiến tranh thương mại Trung Mỹ và xung đột địa chính trị trên thế giới, mọi ngành nghề kinh tế đều đứng trước thách thức lớn về sự phát triển bền vững. Mỗi công ty đều phải chịu trách nhiệm trước mục tiêu phát triển của chính công ty mình, dựa vào tính đặc thù và nhiệm vụ khác biệt của mình mà chọn lựa sử dụng những phương pháp, mục tiêu, quy mô và công cụ khác nhau, thực hiện mục tiêu phát triển bền vững và đó chính là chính sách và mục tiêu lâu dài của công ty được đặt lên hàng đầu, cụ thể như sau:

/In the context of the global economy weakening due to the impact of the Sino-US trade war and geopolitical conflicts in the world, all economic sectors are facing great challenges in sustainable development. Each company must be responsible for its own development goals, based on its own characteristics and different tasks, choose to use different methods, goals, scales and tools, to implement sustainable development goals and that is the company's long-term policy and goals that are put first, specifically as follows:

Về mặt chính sách/*In terms of policy:*

Chính sách CSR (trách nhiệm xã hội doanh nghiệp)/*CSR policy (corporate social responsibility)*

Trên con đường CSR, công ty hiểu rằng một doanh nghiệp cần quan tâm không chỉ riêng công ty mình, mà còn phải tìm ra một hướng đi để chính sách phát triển của công ty trùng khớp, phù hợp với Chính sách CSR. Cách của chúng tôi là kết hợp CSR với chiến lược phát triển thương mại để trở thành một thương hiệu có trách nhiệm với xã hội. Chúng tôi cho rằng **thương hiệu** là một tài sản rất quan trọng của một doanh nghiệp.

/On the CSR path, the company understands that a business needs to care not only about its own company, but also to find a direction so that the company's development policy coincides and is consistent with the CSR Policy. Our way is to combine CSR with commercial development strategies to become a socially responsible brand. We believe that a brand is a very important asset of a business.

➤ **Tầm nhìn:** Phấn đấu trở thành thương hiệu dẫn đầu tiếp nối nguồn năng lượng, sản phẩm thân thiện với môi trường, là bàn tay xúc tiến xây dựng quê nhà an toàn sạch đẹp, là chỗ dựa vững chắc, được tin cậy bởi người lao động, khách hàng, cổ đông và cộng đồng xã hội.

/Vision: Strive to become a leading brand that continues to source energy and environmentally friendly products, is the hand promoting building a safe, clean and beautiful homeland, is a solid support, trusted by people, workers, customers, shareholders and social community.

➤ **Thực hành và theo đuổi:** Gắn kết với công nghệ kỹ thuật hiện đại, cam kết chính sách CSR trùng khớp với chính sách phát triển doanh nghiệp và quyết tâm tiến tới mục tiêu phát triển bền vững.

/Practice and pursue: Connecting with modern technology, committing to CSR policies that coincide with corporate development policies and determining to move towards sustainable development goals.

➤ **Giá trị của ý tưởng:** Không ngừng nâng cao sự hoàn hảo, cùng tồn tại cùng phát triển, vững vàng thành tín, sáng tạo và đổi mới. */Value of ideas: Continuously improve perfection, coexist and develop, steadfast and faithful, creative and innovative.*

Bảo vệ môi trường an toàn, sạch, đẹp/*Protecting a safe, clean and beautiful environment*

Những năm qua, Tập đoàn Taya huy động mọi nguồn lực nghiên cứu, phát triển, sản xuất ra thị trường các loại cáp điện bảo vệ môi trường. Trong đó, sản phẩm Dây điện từ cách điện 3 lớp (0.6~1.0mm) đã nhận Chứng nhận hợp chuẩn “Dấu tích Carbon” (lượng khí thải CO₂), những sản phẩm này sử dụng nguyên liệu nhựa (pvc) không chứa nguyên tố HALOGEN (F, Cl, Br, I, At, Uus) độc hại, có khả năng

chống lan cháy, ít khói không độc (không sản sinh ra khí độc Dioxin, Hydracid khi bị cháy). Những công trình công cộng và nhà ở sử dụng sản phẩm của công ty, đã thực sự cảm nhận được sự đảm bảo an toàn không độc hại, góp phần tạo dựng môi trường sống lành mạnh, sạch đẹp trong xã hội.

In recent years, Taya Group has mobilized all resources to research, develop, and produce environmental protection electric cables for the market. In there, product 3-layer insulated enameled wires (0.6~1.0mm) Received Certificate of Compliance for "Carbon Footprint" (CO2 emissions), these products use plastic materials (pvc) that do not contain toxic HALOGEN elements (F, Cl, Br, I, At, Uus) and are resistant to fire spread. Low smoke, non-toxic (does not produce toxic gases Dioxin, Hydracid when burned). Public works and housing that use the company's products have truly felt the assurance of non-toxic safety, contributing to creating a healthy, clean and beautiful living environment in society.

Trách nhiệm xã hội và cộng đồng/Social and community responsibility

Việc kinh doanh và hoạt động của một công ty sẽ mang lại những ảnh hưởng không chỉ riêng cho công ty, mà còn góp phần tạo dựng niềm hạnh phúc trong xã hội. Một công ty được gọi là phát triển bền vững, phải là một công ty cùng hài hòa, cùng phát triển, cùng tồn tại với nơi công ty đặt trụ sở tại đó. Nhiều năm qua, công ty không ngừng tài trợ học bổng, khuyến khích sinh viên, học sinh là con em công nhân chăm chỉ học hành, tài trợ học phí toàn phần cho cán bộ, công nhân đào tạo chuyên sâu nghề, học tốt ngoại ngữ hoặc tiếp tục chương trình đại học từng bị gián đoạn, giúp người lao động trang bị kiến thức, cải tiến năng lực nghề và trình độ ngoại ngữ, tạo cơ hội việc làm cho người lao động và xã hội.

The business and operations of a company will not only have an impact on the company itself, but also contribute to creating happiness in society. A company that is called sustainable development must be a company that is in harmony, develops together, and coexists with the place where the company is headquartered. Over the years, the company has continuously sponsored scholarships, encouraged students who are children of workers to study hard, sponsored full tuition for staff and workers to receive specialized vocational training, study foreign languages well or continue the university program that was interrupted, helping workers to equip themselves with knowledge, improve their vocational skills and foreign language proficiency, creating job opportunities for workers and society.

5. Các rủi ro/Risks:

- 5.1. Rủi ro tỷ giá hối đoái:** Công ty có rủi ro về tỷ giá hối đoái từ các giao dịch bán, mua và đi vay bằng ngoại tệ chủ yếu là USD./**Exchange rate risk:** The Company has exchange rate risk from sales, purchases and borrowing transactions in foreign currencies, mainly USD.

Cách dự phòng/Risk prevention

Rủi ro tỷ giá hối đoái của công ty được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

The Company's foreign exchange risk is managed by keeping the exposure to an acceptable level through the purchase or sale of foreign currencies at spot rates when necessary to address short-term excesses in foreign exchange risk.

- 5.2. Rủi ro môi trường:** các rủi ro môi trường thường gặp trong công ty là: ô nhiễm không khí, ô nhiễm nước, ô nhiễm tiếng ồn, ô nhiễm bức xạ và ô nhiễm nhiệt./**Environmental risks:** Common environmental risks in companies are: air pollution, water pollution, noise pollution, radiation pollution and thermal pollution.

- a) Ô nhiễm không khí chủ yếu là khói, khí thải phát tán ra môi trường trong vận hành hệ thống sản xuất./
Air pollution is mainly smoke and exhaust gases released into the environment during the operation of the production system.
- b) Ô nhiễm nước chủ yếu là nước thải sinh hoạt và nước thải công nghiệp thải ra môi trường từ nhà máy.
/Water pollution is mainly domestic wastewater and industrial wastewater discharged into the environment from factories.
- c) Ô nhiễm tiếng ồn chủ yếu là tiếng ồn từ máy móc thiết bị trong quá trình vận hành sản xuất./*Noise pollution is mainly noise from machinery and equipment during production operations.*
- d) Ô nhiễm bức xạ chủ yếu là ô nhiễm bức xạ điện từ của thiết bị sản xuất./*Radiation pollution is mainly electromagnetic radiation pollution of production equipment.*
- e) Ô nhiễm nhiệt chủ yếu là nhiệt độ sản sinh từ máy móc thiết bị trong quá trình vận hành sản xuất./
Thermal pollution is mainly heat produced from machinery and equipment during production operations.

Cách dự phòng/Risk prevention

- a) Sử dụng các loại vật liệu môi tiếp nhập khẩu để lọc và khử mùi các khí thải như khí carbon, khói thải trước khi thải ra khỏi nhà máy./*Use imported media materials to filter and deodorize exhaust gases such as carbon gas and exhaust smoke before being discharged from the factory.*
- b) Nước thải sinh hoạt nhà máy được thải vào hệ thống xử lý nước thải của khu công nghiệp để xử lý tập trung. Công ty không có nước thải công nghiệp trong ngành sản xuất dây cáp điện, chỉ một khối lượng nhỏ nước sạch dùng để giảm nhiệt sản phẩm theo phương pháp tuần hoàn trong quy trình sản xuất. Nước sạch giảm nhiệt được chứa trong bể bê tông cốt thép kiên cố, không rò rỉ, không thải ra môi trường bên ngoài./*Factory domestic wastewater is discharged into the industrial park's wastewater treatment system for centralized treatment. The company does not have industrial wastewater in the electric cable manufacturing industry, only a small amount of clean water is used to reduce product heat by the circulating method in the production process. Clean cooled water is stored in solid reinforced concrete tanks, does not leak, and is not discharged into the outside environment.*
- c) Máy móc và thiết bị sản xuất của công ty không gây ra tiếng ồn lớn, chỉ duy nhất một máy cán kéo lớn có gây tiếng ồn và công ty trang bị dụng cụ chống tiếng ồn cho công nhân./*The company's machinery and production equipment do not make loud noise, only one large rolling machine makes noise and the company equips workers with anti-noise devices.*
- d) Công ty không sử dụng thiết bị có bức xạ điện từ công suất lớn./*The company does not use equipment with high-power electromagnetic radiation.*
- e) Tất cả nhà xưởng sản xuất đều mở cửa thông thoáng, máy móc thiết bị của công ty không tạo ra sức nhiệt ảnh hưởng sức khỏe con người./*All production factories are open and airy, the company's machinery and equipment do not create heat that affects human health.*
- f) Xung quanh nhà xưởng trồng hoa, cỏ và cây xanh lâu năm, không chặt phá bừa bãi./*Plant flowers, grass and perennial trees around the factory, do not cut them down indiscriminately.*

5.3. Rủi ro thiên tai, dịch bệnh: Rủi ro thiên tai và dịch bệnh có thể gây ra thiệt hại lớn về người, tài sản, môi trường, điều kiện sống và hoạt động kinh tế – xã hội nói chung và công ty nói riêng./*Risks of natural*

disasters and epidemics: Risks of natural disasters and epidemics can cause great damage to people, property, the environment, living conditions and socio-economic activities in general and companies in particular.

- a) Rủi ro thiên tai như gió bão, địa chấn, mưa lụt và sạt lở...có thể đe dọa đến hoạt động sản xuất của công ty. Có 3 đới địa chấn chính trên thế giới: Đới địa chấn Vành đai Thái Bình Dương, Đới địa chấn Á-Âu và địa chấn Ridge (vùng núi dưới biển). Theo lý thuyết về các mảng kiến tạo toàn cầu, vỏ trái đất được chia thành các mảng lớn và nhỏ vận động tương đối với nhau bởi một số đới hoạt động kiến tạo. Hầu hết các trận động đất trên thế giới đều xảy ra trên ranh giới của các mảng lớn. Do Việt Nam nằm trong Mảng kiến tạo bán đảo Đông dương, cách xa rìa của mảng chuyển động nên hiếm khi xảy ra động đất mạnh và hầu như không có động đất và sóng thần hủy diệt. Mặc dù có bão, lũ và sạt lở đất ở Việt Nam nhưng không ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của công ty tại địa bàn tỉnh Đồng Nai.

/Natural disaster risks such as windstorms, earthquakes, floods and landslides... can threaten the company's production activities. There are three main seismic zones in the world: the Pacific Rim seismic zone, the Eurasian seismic zone and the Ridge seismic zone (undersea mountains). According to the theory of global plate tectonics, the earth's crust is divided into large and small plates moving relative to each other by a number of tectonically active zones. Most of the world's earthquakes occur on the boundaries of large plates. Because Vietnam is located in the Indochina Peninsula Tectonic Plate, far from the edge of the moving plate, strong earthquakes rarely occur and there are almost no destructive earthquakes and tsunamis. Although there are storms, floods and landslides in Vietnam, they do not affect the company's business activities in Dong Nai province.

- b) Rủi ro dịch bệnh: như dịch bệnh Covid-19 trước đó đã thực sự gây ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh sản xuất của công ty./*Epidemic risk: such as the previous Covid-19 epidemic which has really affected the company's production and business activities.*

II. Tình hình hoạt động trong năm/*Operations in the Year:*

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh/*Situation of production and business operations.*

1.1 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm/*Results of business operations in the year:*

CHỈ TIÊU <i>/Indicators</i>	Năm/Year 2025	Năm/Year 2024	Tăng/giảm Kim ngạch/ <i>Amount</i> <i>increase/decrease</i>	Tăng/giảm change <i>(%)</i>
Doanh thu/Revenue	2.346.649.714.331	1.860.877.702.477	485.772.011.854	26,10%
Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp/ <i>Sales and anagementtrration expenses</i>	87.518.884.647	77.486.859.985	10.032.024.662	12,95%
Lợi nhuận trước thuế/ <i>Before tax profit</i>	148.509.586.031	97.125.336.407	51.384.249.624	52,91%
Lợi nhuận sau thuế/ <i>After tax profit</i>	118.512.074.299	77.574.250.113	40.937.824.186	52,77%

So với năm 2024, doanh thu năm 2025 đạt 2.346.649.714.331 đồng, tăng 26,10%; lợi nhuận tăng 52,77%. Do hưởng lợi từ tăng trưởng kinh tế trong nước và mở rộng sản xuất, phát triển kinh tế các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài và trong nước. Đồng thời công ty kiểm soát hiệu quả giá cả nguyên vật liệu nhập khẩu, giảm giá thành sản xuất và chi phí quản lý, chi phí tài chính được duy trì ở mức hợp lý là nguyên nhân chính công

ty kinh doanh có lãi./ Compared to 2024, revenue in 2025 is projected to reach VND 2,346,649,714,331, an increase of 26.10% profit increased by 52.77%. This profit was primarily due to benefiting from domestic economic growth and the expansion of production and economic development by both domestic and foreign-invested enterprises. At the same time, the company effectively controlled the prices of imported raw materials, reduced production costs and management expenses, and maintained reasonable financial costs, which are the main reasons for the company's profitability.

1.2 Tình hình thực hiện so với kế hoạch/Implementation situation/actual progress against the plan:

(Phân tích cụ thể nguyên nhân dẫn đến việc không đạt/đạt/vượt các chỉ tiêu so với kế hoạch)

/(Specifically analyze the reasons for not achieving/achieving/exceeding the targets compared to the plan).

CHỈ TIÊU /Indicators	Thực hiện Năm /Perform year 2025	Kế hoạch năm /Plan year 2025	Tăng/giảm Kim ngạch/ Amount increase/decrease	Tăng/giảm change (%)
Doanh thu/Revenues	2.346.649.714.331	1.965.653.252.656	380.996.461.675	19,38%
Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp/Sales and anagementration expenses	87.518.884.647	80.132.726.694	7.386.157.953	9,22%
Lợi nhuận trước thuế /Before tax profit	148.509.586.031	66.700.591.335	81.808.994.696	122,65%
Lợi nhuận sau thuế /After tax profit	118.512.074.299	54.656.253.976	63.855.820.323	116,83%
LN sau thuế/Doanh thu (%) /After tax profit/Revenues(%)	5,05	2,78	-	-
LN sau thuế/Vốn cổ phần (%) /After tax profit/Share capital (%)	38,62	17,80	-	-

So với kế hoạch, doanh thu năm 2025 tăng 19,38%; lợi nhuận sau thuế tăng 116,83% nguyên nhân như sau:
/Compared to the plan, revenue in 2025 increased by 19.38%; profit after tax increased by 116.83% for the following reasons:

Phân tích nguyên nhân không đạt/đạt/vượt chỉ tiêu/Analyze reasons for not meeting/meeting/exceeding targets:

1. Tăng doanh thu và lợi nhuận : Năm 2025 kinh tế thế giới tăng trưởng tuy chậm, nhưng được hưởng lợi từ tăng trưởng kinh tế trong nước, công ty tiêu thụ sản phẩm thuận lợi và giá cả nguyên liệu đầu vào được kiểm soát hiệu quả, giảm chi phí sản xuất cả chi phí lãi vay ngân hàng duy trì mức bình thường từ đó đảm bảo lợi nhuận.

/Increase revenue and profit: In 2025, the global economy experienced slower growth, but benefiting from domestic economic growth, the company benefited from favorable product sales and effectively controlled input material prices, reducing production costs and maintaining normal levels of bank interest expenses, thus ensuring profitability..

2. Tổ chức và nhân Sự/Organization and Human resource

2.1 Cơ cấu tổ chức/Organizational structure

- Hội đồng quản trị gồm tám (8) người: 1 chủ tịch; 1 phó chủ tịch; 3 thành viên thường vụ, 3 thành viên độc lập./The Board of Directors consists of eight (8) people: 1 Chairman;1 Vice Chairman; 3 independent members, 3 members.
- Ban kiểm soát gồm ba (3) người: 1 trưởng ban; 2 thành viên./The Supervisory Board consists of three (3)

people: 1 Chief Supervisor; 2 members.

- Một tổng giám đốc: chịu trách nhiệm trụ sở chính công ty tại tỉnh Đồng Nai./One General Director: responsible for the company's headquarters in Dong Nai province.
- Một phó tổng giám đốc: chịu trách nhiệm tại chi nhánh thành phố Hải Phòng./One deputy General Director: Responsible at the Hai Phong city branch.
- Một kế toán trưởng: chịu trách nhiệm về tài chính kế toán của công ty./One chief accountant: responsible for the company's finances and accounting.
- Các giám đốc, phó giám đốc; xưởng trưởng, phó xưởng trưởng; trưởng văn phòng đại diện; các trưởng phòng, phó phòng của các phòng ban./Directors, deputy directors; factory managers, deputy factory managers; heads of representative offices; department heads, deputy department heads of departments.

2.2 Danh sách Ban điều hành/List of Executive Board:

● Ông/Mr. Hsu Ching Yao

Chức vụ hiện tại/Current position: Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc

Current position /Board Member and General Director

chức vụ khác/Other positions: không/no

Ngày tháng năm sinh/Date of birth: 31/12/1967

Nơi sinh/Place of birth: Taiwan

Quốc tịch/Nationality: Taiwan (R.O.C) Dân tộc/Ethnicity: Hán/Han

Trình độ văn hóa/Education level: Đại học Fung Chia Đài Loan/Taiwan Fung Chia University (Quản trị kinh doanh/Business Administration)

Cổ phần nắm giữ/Shares held: 0 cổ phần/Shares.

● Ông/Mr. Huang Shih Che

Chức vụ hiện tại/Current position: phó Tổng giám đốc chi nhánh công ty tại thành phố Hải Phòng
/Deputy General Director of the company's branch in Hai Phong city.

Kiểm chức vụ khác/Other positions: không/no

Ngày tháng năm sinh/Date of birth: 03/04/1974

Nơi sinh:/Place of birth: Taiwan

Quốc tịch/Nationality: Taiwan (R.O.C) Dân tộc/Ethnicity: Hán/Han

Trình độ văn hóa/Educ ation level: Đại học Kun Shan Đài Loan/Taiwan Kun Shan University (Thạc sĩ Quản trị kinh doanh/Master of Business Administration).

Cổ phần nắm giữ/Shares held: 0 cổ phần/Shares.

● Ông/Mr. Su Yu Chun

Chức vụ hiện tại/Current position: Kế toán trưởng/Chief Accountant.

Kiểm chức vụ khác/Other positions: không/no

Ngày tháng năm sinh/Date of birth: 14/01/1972

Nơi sinh:/Place of birth: Taiwan

Quốc tịch: /Nationality: Taiwan (R.O.C) Dân tộc/Ethnicity: Hán/Han

Trình độ văn hóa/Educ ation level: MBA Đại học Texas, Hoa Kỳ/MBA University of Texas, USA.

Cổ phần nắm giữ/Shares held: 0 cổ phần/Shares.

● Ông/Mr. Trương Thanh Hào

Chức vụ hiện tại/Current position: Giám đốc kinh doanh/Business Director.

Kiểm chức vụ khác/Other positions: không/no

Ngày tháng năm sinh/Date of birth: 24/08/1960

Nơi sinh/Place of birth: T.p Hồ Chí Minh/Ho Chi Minh City

Quốc tịch /Nationality: Việt Nam Dân tộc/Ethnicity: Hoa/Chinese
 Trình độ văn hóa/Educ ation level: Đại học/University
 Cổ phần nắm giữ/Shares held: 0 cổ phần/Shares

● **Ông/Mr: Chang Yun Cheng**

Chức vụ hiện tại/Current position: Giám đốc hành chính/Administrative Director

Kiểm chức vụ khác/Other positions: người phụ trách QTCT và Trưởng kiểm toán nội bộ/person in charge of corporate governance and head of internal audit

Ngày tháng năm sinh/Date of birth: 24/10/1969

Nơi sinh/Place of birth: Tainan City

Quốc tịch: /Nationality: Taiwan (R.O.C) Dân tộc/Ethnicity: Hán/Han

Trình độ văn hóa/Educ ation level: Đại học (khoa thương mại quốc tế)/University (faculty of international trade)

Cổ phần nắm giữ/Shares held: 0 cổ phần/Shares

● **Ông/Mr: Lu Pin Ting**

Chức vụ hiện tại/Current position: giám đốc sản xuất/Factory Director

Kiểm chức vụ khác/Other positions: không/no

Ngày tháng năm sinh/Date of birth: 21/12/1974

Nơi sinh:/Place of birth: Taiwan

Quốc tịch: /Nationality: Taiwan (R.O.C) Dân tộc/Ethnicity: Hán/Han

Trình độ văn hóa/Educ ation level: Chia Nan University of Pharmacy and Science

Cổ phần nắm giữ/Shares held: 0 cổ phần/Shares

2.3 Những thay đổi trong Ban Điều hành/changes in the Board of Management

- Không thay đổi/Constant

2.4 Số lượng cán bộ, nhân viên/Number of staffs

Tổng số lao động tại Trụ sở chính Đồng Nai và Chi nhánh thành phố Hải Phòng tại thời điểm 31/12/2025 là 334 người với 111 cán bộ quản lý. Lao động nước ngoài 12 người chiếm 3,59% tổng số lao động và chủ yếu giữ các vị trí quản lý/The total number of employees at Dong Nai Headquarters and Hai Phong city as of December 31, 2025 is 334 people with 111 managers. 12 foreign workers account for 3.59% of the total number of employees and mainly hold management positions.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án/investment activities, project implementation

3.1 Các khoản đầu tư lớn/Major investments

- Không có/Do not have.

3.2 Các công ty con, công ty liên kết/Subsidiaries, associated companies:

- Không có/Do not have.

4. Tình hình tài chính/Financial situation

a) Tình hình tài chính/Financial situation

(VND)

Chỉ tiêu/Indicators	Năm/Year 2025	Năm/Year 2024	% tăng giảm/ % change
---------------------	---------------	---------------	-----------------------------

Tổng giá trị tài sản/ <i>Total asset</i>	1.597.233.619.498	1.225.846.712.407	30,30
Doanh thu thuần/ <i>Net revenue</i>	2.346.649.714.331	1.860.877.702.477	26,10
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh / <i>Profit from business activities</i>	149.650.365.453	97.706.054.992	53,16
Lợi nhuận khác/ <i>Other profits</i>	294.860.349	397.424.892	25,81
Lợi nhuận trước thuế/ <i>Profit before tax</i>	148.509.586.031	97.125.336.407	52,91
Lợi nhuận sau thuế/ <i>Profit after tax</i>	118.512.074.299	77.574.250.113	52,77
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/ <i>Payout ratio</i>	-	-	-

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/*Major financial indicators:*

Chỉ tiêu/ <i>Indicators</i>	ĐV	2025	2024	Ghi chú / <i>Note</i>
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán(<i>Solvency ratio</i>)				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn(<i>Current ratio</i>): Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn (<i>Short term Asset/Short term debt</i>)	%	158,81	169,07	
+ Hệ số thanh toán nhanh/ <i>Quick ratio</i> : Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn <i>Short term Asset – Inventories/Short term Debt</i>	%	111,04	127,12	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn(<i>capital structure Ratio</i>)				
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản(<i>Debt/Total assets ratio</i>)	%	59,87	55,16	
+ Hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu(<i>Debt/Owner's Equity ratio</i>)	%	149,18	123,04	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động(<i>Operation capability Ratio</i>)				
+ Vòng quay hàng tồn kho(<i>Inventory turnover</i>): Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân (<i>Cost of goods sold/Average inventory</i>)	%	565,27	589,37	
+ Vòng quay tổng tài sản(<i>Total asset turnover</i>): Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân (<i>Net revenue/ Average Total Assets</i>)	%	166,25	170,63	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/<i>Profitability</i>				
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (<i>profit after tax / Net revenue</i>)	%	5,05	4,17	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu(ROE) (<i>profit after tax/ total capital Ratio</i>)	%	18,49	14,11	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản(ROA) (<i>profit after tax / Total assets Ratio</i>)	%	7,42	6,33	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (<i>Profit from business activities/ Net revenue</i>)	%	6,38	5,25	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/Shareholders structure, change in the owner's equity

a) Cổ phần/Shares:

Tổng số cổ phần đang lưu hành của Công ty tại thời điểm báo cáo là: 30.689.945 cổ phần thuộc cổ phần phổ thông, trong đó số lượng cổ phiếu quỹ là: 9.363 cổ phần. Số lượng cổ phần được chuyển nhượng tự do là: 6.125.410 cổ phần. Số lượng cổ phần chưa niêm yết là : 24.555.172 cổ phần, hạn chế chuyển nhượng là 9.206.983 cổ phần (cổ đông sáng lập nước ngoài cam kết nắm giữ 30% cổ phần trong suốt thời gian dự án hoạt động).

The total number of outstanding shares of the Company at the time of reporting is: 30,689,945 shares of common stock, of which the number of treasury shares is: 9,363 shares. The number of freely transferred shares is: 6,125,410 shares. Number of unlisted shares is: 24,555,172 shares, transfer restriction is 9,206,983 shares (foreign founding shareholders commit to holding 30% of shares during the project's operation).

b) Cơ cấu cổ đông Shareholders structure: (tại/on 20/03/2026):

Cổ đông <i>/Shareholders</i>	Trong nước <i>/Domestic shareholders</i>		Nước ngoài <i>/Foreign shareholders</i>		Tổng cộng <i>/Total</i>	
	Cổ phần/ <i>Shares</i>	Tỷ lệ/ <i>Proportion (%)</i>	Cổ phần/ <i>Shares</i>	Tỷ lệ/ <i>Proportion (%)</i>	Cổ phần/ <i>Shares</i>	Tỷ lệ/ <i>Proportion (%)</i>
Tổng cổ phần/ <i>Total shares</i>	3.909.664	12,74	26.780.281	87,26	30.689.945	100
Cổ đông lớn <i>/major shareholders</i>	-	-	24.555.172	80,01	24.555.172	80,01
Sở hữu nhà nước <i>/state shareholders</i>	-	-	-	-	-	-
Cổ đông tổ chức/ <i>Legal person shareholder</i>	1.611.805	5,25	1.083.058	3,53	2.694.863	8,78
Cổ đông cá nhân/ <i>Individual shareholders</i>	2.288.496	7,46	1.142.051	3,72	3.430.547	11,18
Cổ phiếu quỹ/ <i>Treasury shares</i>	9.363	0,03	-	-	9.363	0,03
Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/Maximum foreign ownership ratio						100%

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/Change in the owner's equity:

STT <i>/No</i>	Cổ đông sáng lập/ <i>Founding shareholder</i>	Địa chỉ/Address	Cổ phần nắm giữ/ <i>Shares held</i>	Tỷ lệ/ <i>Proportion %</i>
Vốn cổ phần tại ngày 31/12/2005: 182.676.270.000 VND, tương đương 18.267.627 cổ phần./Share capital as of December 31, 2005: 182,676,270,000 VND, equivalent to 18,267,627 shares				100%
01	Công ty cổ phần hữu hạn dây và cáp điện Đại Á. (Taya Electric Wire & Cable Co.,Ltd) (chưa niêm yết/Not listed stock)	Số 249, đường Trung Sơn, đoạn 2, khu Quan Miếu, T.p Đài Nam, Đài Loan./No. 249, Zhongshan Road, Section 2, Quan Mieu Area, Tainan City, Taiwan.	109.606.220.000VND	60%

02	Công ty cổ phần hữu hạn dây và cáp điện Đại Triển. (Cuprime Material Co.,Ltd) (chưa niêm yết/Not listed stock)	Số 35-2, Xã Phú Nguyên, Thôn Quan Âm, Huyện Đào Viên, Đài Loan./No. 35-2, Phu Nguyen Xa, Quan Am Village, Taoyuan District, Taiwan.	36.535.250.000VND	20%
03	Cổ đông khác /Other shareholders (đã Niêm yết/Listed shares)	Sở giao dịch chứng khoán Tp.HCM./Ho Chi Minh City Stock Exchange.	36.534.800.000VND	20%
Ngày 04/04/2006, Chia cổ tức năm 2004 bằng cổ phiếu với mức 15% = 2.740.070 cổ phiếu (bỏ số lẻ)/ On April 4, 2006, 2004 dividend payment in shares at 15% = 2,740,070 shares (omit decimals) Ngày 24/07/2006, Chia cổ tức năm 2005 bằng cổ phiếu với mức 15% = 3.150.711 cổ phiếu (bỏ số lẻ)/ On July 24, 2006, 2005 dividend payment in shares at 15% = 3,150,711 shares (omit decimals)				
Vốn cổ phần tại ngày 31/12/2006: 241.584.080.000 VND, tương đương 24.158.408 cổ phần./ Share capital as of December 31, 2006: 241,584,080,000 VND, equivalent to 24,158,408 shares				Tỷ lệ Proporti on 100%
01	Công ty cổ phần hữu hạn dây và cáp điện Đại Á. (Taya Electric Wire & Cable Co.,Ltd) (chưa niêm yết/Not listed stock)	Số 249, đường Trung Sơn, đoạn 2, khu Quan Miếu, T.p Đài Nam, Đài Loan./No. 249, Zhongshan Road, Section 2, Quan Mieu Area, Tainan City, Taiwan	144.954.100.000VND	60%
02	Công ty cổ phần hữu hạn dây và cáp điện Đại Triển. (Cuprime Material Co.,Ltd) (chưa niêm yết/Not listed stock)	Số 35-2, Xã Phú Nguyên, Thôn Quan Âm, Huyện Đào Viên, Đài Loan./No. 35-2, Phu Nguyen Xa, Quan Am Village, Taoyuan District, Taiwan.	48.317.700.000VND	20%
03	Cổ đông khác /Other shareholders (đã Niêm yết/Listed shares)	Sở giao dịch chứng khoán Tp.HCM./Ho Chi Minh City Stock Exchange	48.312.208.000VND	20%
Ngày 10/07/2007, chia cổ tức năm 2006 bằng cổ phiếu với mức 10% = 2.415.140 cổ phiếu (bỏ số lẻ) /On July 10, 2007, 2006 dividend in shares was paid at 10% = 2,415,140 shares (omit decimals)				
Vốn cổ phần tại ngày 31/12/2007: 265.735.480.000 VND, tương đương 26.573.548 cổ phần./ Share capital as of December 31, 2007: 265,735,480,000 VND, equivalent to 26,573,548 shares				Tỷ lệ Proporti on %
01	Công ty cổ phần hữu hạn dây và cáp điện Đại Á. (Taya Electric Wire & Cable Co.,Ltd) (chưa niêm yết/Not listed stock)	Số 249, đường Trung Sơn, đoạn 2, khu Quan Miếu, T.p Đài Nam, Đài Loan. /No. 249, Zhongshan Road, Section 2, Quan Mieu Area, Tainan City, Taiwan	159.949.500.000VND	60%
02	Công ty cổ phần hữu hạn dây và	Số 35-2, Xã Phú Nguyên,	53.149.400.000VND	20%

	cáp điện Đại Triển. (Cuprime Material Co.,Ltd) (chưa niêm yết/Not listed stock)	Thôn Quan Âm, Huyện Đào Viên, Đài Loan. /No. 35-2, Phu Nguyen Xa, Quan Am Village, Taoyuan District, Taiwan.		
03	Cổ đông khác/Other shareholders (đã Niêm yết/Listed shares)	Sở giao dịch chứng khoán Tp.HCM./Ho Chi Minh City Stock Exchange	52.636.580.000VND	20%
Ngày 08/07/2008 Chia cổ tức năm 2007 bằng cổ phiếu với mức 5% = 1.327.829 cổ phiếu (bỏ số lẻ)/ July 8, 2008 Dividend for 2007 in shares at 5% = 1,327,829 shares (omit decimals)				
Vốn cổ phần tại ngày 31/12/2008: 279.013.770.000 VND, tương đương 27.901.377 cổ phần./ <i>Share capital as of December 31, 2008: 279,013,770,000 VND, equivalent to 27,901,377 shares</i>				Tỷ lệ/ <i>Proportion%</i>
01	Công ty cổ phần hữu hạn dây và cáp điện Đại Á. (Taya Electric Wire & Cable Co.,Ltd) (chưa niêm yết/Not listed stock)	Số 249, đường Trung Sơn, đoạn 2, khu Quan Miếu, T.p Đài Nam, Đài Loan. /No. 249, Zhongshan Road, Section 2, Quan Mieu Area, Tainan City, Taiwan	167.421.970.000VND	60%
02	Công ty cổ phần hữu hạn dây và cáp điện Đại Triển. (Cuprime Material Co.,Ltd) (chưa niêm yết/Not listed stock)	Số 35-2, Xã Phú Nguyên, Thôn Quan Âm, Huyện Đào Viên, Đài Loan. /No. 35-2, Phu Nguyen Xa, Quan Am Village, Taoyuan District, Taiwan.	55.806.870.000VND	20%
03	Cổ đông khác/Other shareholders (đã Niêm yết/Not listed stock)	Sở giao dịch chứng khoán Tp.HCM./Ho Chi Minh City Stock Exchange	55.784.930.000VND	20%
Vốn cổ phần từ năm 2009~năm 2015 vẫn duy trì 279.013.770.000 VND (bù lỗ không chia cổ tức)/ <i>Share capital from 2009 ~2015 still maintained 279,013,770,000 VND (loss compensation without dividends)</i>				
Tháng 5 năm 2016, hai Cổ đông sáng lập của công ty bao gồm: Công ty cổ phần hữu hạn dây và cáp điện Đại Á sang nhượng 16.742.197 cổ phần và Công ty cổ phần hữu hạn dây và cáp điện Đại Triển sang nhượng 5.580.687 cổ phần, tổng cộng 22.322.884 cổ phần cho tổ chức Taya Viet Nam (Cayman) Holding Ltd. <i>/ In May 2016, two founding shareholders of the company including: Taya Electric Wire & Cable Co.,Ltd transferred 16,742,197 shares and Cuprime Material Co.,Ltd transferred 5,580,687 shares, total of 22,322,884 shares for Taya Viet Nam (Cayman) Holding Ltd.</i>				
01	Taya Viet Nam (Cayman) Holding Ltd(chưa niêm yết/Not listed stock)	Cayman Islands	223.228.840.000VND	80%
02	Cổ đông khác/Other shareholders	Sở giao dịch chứng khoán	55.784.930.000VND	20%

	(đã Niêm yết/Not listed stock)	Tp.HCM/Ho Chi Minh City Stock Exchange		
Ngày 07/07/2016 Chia cổ tức năm 2015 bằng cổ phiếu với mức 10% = 2.788.568 cổ phiếu (bỏ số lẻ) <i>July 7, 2016 Dividend payment for 2015 in shares at 10% = 2,788,568 shares (omit decimals)</i>				
Vốn cổ phần tại 31/12/2016: 306.899.450.000 VND, tương đương 30.689.945 cổ phần./ <i>Share capital as of December 31, 2016: 306,899,450,000 VND, equivalent to 30,689,945 shares.</i>				Tỷ lệ <i>Proportion</i> on%
01	Taya Viet Nam (Cayman) Holding Ltd(chưa niêm yết/Not listed stock)	Cayman Islands	245.551.720.000VND	80%
02	Cổ đông khác/Other shareholders (đã Niêm yết/Not listed stock)	Sở giao dịch chứng khoán Tp.HCM/Ho Chi Minh City Stock Exchange	61.347.730.000VND	20%
Vốn cổ phần tại 31/12/2017: 306.899.450.000 VND, tương đương 30.689.945 cổ phần./Share <i>capital as of December 31, 2017: 306,899,450,000 VND, equivalent to 30,689,945 shares.</i>				Tỷ lệ/ <i>Proportion</i> on%
01	Taya Viet Nam (Cayman) Holding Ltd(chưa niêm yết/Not listed stock)	Cayman Islands	245.551.720.000VND	80%
02	Cổ đông khác/Other shareholders (đã Niêm yết/Not listed stock)	Sở giao dịch chứng khoán Tp.HCM/Ho Chi Minh City Stock Exchange	61.347.730.000VND	20%
Vốn cổ phần các năm 2018, 2019, 2020, 2021, 2022, 2023, 2024, 2025 vẫn giữ nguyên 306.899.450.000 VND, tương đương 30.689.945 cổ phần không thay đổi./Shares capital in 2018, 2019, 2020, 2021, 2022, 2023,2024, 2025 remains 306,899,450,000 VND, equivalent to 30,689,945 shares unchanged.				

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: cổ phiếu quỹ năm 2025 của công ty là 9.363 cổ phiếu./*Treasury stock transactions: the company's 2025 treasury shares are 9,363 shares.*

Công ty không giao dịch cổ phiếu quỹ./*The company does not trade treasury shares.*

e) Các chứng khoán khác/Other securities: công ty không phát hành chứng khoán khác./*The company does not issue other securities.*

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty/Environment-Social-Governance (ESG) Report of the Company.

6.1. Tác động lên môi trường/Impact on the environment:

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp/Total direct and indirect GHG emission

Nhiên liệu: Hoạt động sản xuất dây cáp điện của công ty chủ yếu sử dụng nhiên liệu sạch là điện, các máy móc thiết bị hoạt động bằng động cơ điện, không sử dụng máy móc thiết bị đốt cháy nhiên liệu hóa thạch như xăng dầu, than đá, vì vậy không tạo ra khí thải nhà kính như khí Carbon dioxide (CO₂), Methane (CH₄), Nitrous oxide (N₂O), Hydrofluorocarbons (HFCs), Perfluorocarbons (PFCs) và Sulphur hexafluoride (SF₆).

/Fuel: The company's electric cable production activities mainly use clean fuel, electricity, machinery and

equipment operated by electric motors, and do not use machinery and equipment that burn fossil fuels such as gasoline, oil, coal, so do not create greenhouse gas emissions such as Carbon dioxide (CO₂), Methane (CH₄), Nitrous oxide (N₂O), Hydrofluorocarbons (HFCs), Perfluorocarbons (PFCs) and Sulfur hexafluoride (SF₆).

Vận tải hàng hóa: Hoạt động vận tải hàng hóa của công ty bằng 6 xe vận tải nhỏ và vừa và 4 xe nâng hàng hóa từ 3,5 tấn đến 10 tấn, không tạo ra khí thải nhà kính đáng ngại. Các thiết bị nén cũng không nhiều được công ty bảo trì cẩn thận định kỳ không rò rỉ ra ngoài. Công ty không khai thác, chế biến, vận chuyển nhiên liệu hóa thạch./**Freight transportation:** The company's freight transport operations are carried out by 6 small and medium trucks and 4 forklifts from 3.5 tons to 10 tons, without generating any worrying greenhouse gas emissions. The company also does not have many compressors, which are carefully maintained periodically to prevent leakage. The company does not exploit, process, or transport fossil fuels.

Chất thải: Chỉ rác thải công nghiệp như thùng nhựa, phi sắt, bao giấy đựng nguyên liệu, vải lau chùi vệ sinh máy móc cơ khí được thu gom hàng ngày bởi công ty quản lý môi trường tập trung xử lý theo quy định. Công ty không chôn lấp chất thải rắn; không xử lý sinh học chất thải rắn; không thiêu hủy chất thải. Công ty không có nước thải công nghiệp, nước thải sinh hoạt được thải vào hệ thống xử lý nước thải của khu công nghiệp./**Waste:** Only industrial waste such as plastic barrels, iron drums, paper bags containing raw materials, and cloths used to clean mechanical machinery are collected daily by a centralized environmental management company for treatment according to regulations. The company does not bury solid waste; does not biologically treat solid waste; does not incinerate waste. The company does not have industrial wastewater; domestic wastewater is discharged into the industrial park's wastewater treatment system.

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính/Measures and initiatives to reduce GHG emission.

Công ty đã thiết lập hệ thống quản lý khí nhà kính ISO 14064-1:2018. Công ty tiến hành kiểm kê đo lường tình trạng khí nhà kính trong nhà máy hàng năm, đã đạt được kết quả chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn ISO 14064-1:2018 về khí nhà kính bởi tổ chức chứng nhận quốc tế SGS, cụ thể như sau:/The company has established a greenhouse gas management system ISO 14064-1:2018. The company conducts annual inventory and measurement of greenhouse gas status in the factory and has achieved certification of compliance with ISO 14064-1:2018 on greenhouse gas by the international certification organization SGS, specifically as follows:

Greenhouse Gas Verification Statement

The inventory of Greenhouse Gas emissions in year 2021 of
**TA YA (Viet Nam) ELECTRIC WIRE &
 CABLE Joint Stock Company**

No. 1, 1A Road, Bien Hoa Industrial Zone II, Dong Nai Province, Viet Nam

has been verified in accordance with ISO 14064-3:2006 as
 meeting the requirements of

ISO 14064-1:2018

Direct emissions
1,484.8183 tonnes of CO₂e
 Indirect emissions
45,518.3493 tonnes of CO₂e
 Direct emissions and indirect emissions
47,003.168 tonnes of CO₂e

Authorized by

Stephen Pao
 Knowledge Deputy General Manager
 Date: 10 November 2022
 Version 1

TGP56A-15-Sa 2207
 SGS Taiwan Ltd.
 No. 135-1, Wu Kang Road, New Taipei Industrial Park, Wu Ku District,
 New Taipei City 24603, Taiwan
 T (02) 22993279 F (02) 22999453 www.sgs.com



This Statement is not valid without the full verification scope, objectives, criteria and findings available on the Statement.

Page 1 of 7

6.2. Báo cáo thẩm tra khí thải nhà kính

ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
 TRUNG TÂM CHỨNG NHẬN PHỤ HỢP (CNACERT)



BÁO CÁO THẨM TRA

GHG 010.25.B

TỔ CHỨC
CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY VÀ CÁP ĐIỆN TAYA VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 1, Đường 1A, Khu Công nghiệp Biên Hòa II, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa,
 Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Tuyên bố khí nhà kính của tổ chức
 Báo cáo kiểm kê khí nhà kính năm 2021

Ranh giới của Tổ chức
 Kiểm soát hoạt động

Phạm vi hoạt động

Sản xuất các loại dây điện, dây cáp từ dây nhôm, dây đồng không bọc sơn phủ các loại cáp
 điện thường, cáp điện trung thế, cáp thông tin.

Ranh giới báo cáo kiểm kê khí nhà kính (KNK)

- Phạm vi 1 - Nhóm 1: Phát thải và hấp thụ khí nhà kính trực tiếp
- Phát thải KNK trực tiếp từ hoạt động đốt trong các thiết bị cố định, thiết bị di động.
 - Phát thải KNK trực tiếp từ xử lý nước thải, rò rỉ và thiết bị hình thành chất cháy và điều hòa không khí.
 - Phát thải từ quá trình công nghiệp sử dụng than củi cho lò đốt.
 - Hấp thụ KNK từ cây xanh.
- Phạm vi 2 - Nhóm 2: Phát thải khí nhà kính gián tiếp từ sử dụng điện mua vào.
- Phạm vi 3 - Nhóm 3: Phát thải từ nhà kính gián tiếp từ giao thông vận tải
- Phát thải KNK gián tiếp từ vận chuyển nguyên vật liệu đến công ty và phân phối nội bộ.
 - Phát thải KNK gián tiếp từ việc đi lại của nhân viên.
- Phạm vi 4 - Nhóm 4: Phát thải khí nhà kính gián tiếp từ sử dụng nguyên vật liệu đầu vào.

Loại trừ các ranh giới

- Phạm vi 1 - Nhóm 3: Phát thải khí nhà kính gián tiếp từ giao thông vận tải.
- Phát thải KNK gián tiếp từ vận chuyển và phân phối hàng hóa ngoại thành. Vận chuyển và phân phối sản phẩm.
- Phát thải KNK gián tiếp từ việc đi lại của khách hàng đến công ty, đi công tác của nhân viên.
- Phạm vi 3 - Nhóm 3: Phát thải KNK gián tiếp liên quan đến việc sử dụng sản phẩm của tổ chức.
- Phạm vi 3 - Nhóm 6: Phát thải KNK gián tiếp từ các nguồn khác.

Lý giải không thể định lượng được phát thải do điều kiện hạn chế của công ty

Quản lý chất lượng và môi trường: F. Nguyễn, G. Nguyễn, P. Nguyễn, Việt Nam
 Địa chỉ: 135-1, Wu Kang Road, New Taipei Industrial Park, Wu Ku District, New Taipei City 24603, Taiwan
 T (02) 22993279 F (02) 22999453 www.sgs.com

Tiêu chí xây dựng báo cáo kiểm kê khí nhà kính

Tiêu chuẩn ISO 14064-1:2018 và Quy trình Kiểm kê Khí nhà kính của công ty

Giai đoạn báo cáo 01/01/2023 – 31/12/2023

Kết quả phát thải khí nhà kính

Giai đoạn	Lượng phát thải, tCO ₂ (e)
	01/01/2023 – 31/12/2023
Phạm vi 1 – Nhóm 1	1.893,9648
Phạm vi 2 – Nhóm 2	7.541,3166
Phạm vi 3 – Nhóm 3	587,1502
Phạm vi 3 – Nhóm 4	7.605,2520
Phạm vi 3 – Nhóm 5	0
Phạm vi 3 – Nhóm 6	0
Tổng	17.627,6846

HOẠT ĐỘNG THẨM TRA

Bên chịu trách nhiệm

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY VÀ CÁP ĐIỆN TAYA VIỆT NAM

Mục đích thẩm tra

Để đưa ra ý kiến về việc: tuyên bố khí nhà kính của tổ chức:

- Đảm bảo chính xác, đúng sự thật về mặt trọng yếu và thông tin, dữ liệu khí nhà kính được trình bày phù hợp.
- Được chuẩn bị theo tiêu chuẩn ISO 14064-1:2018, là tiêu chí mà QUACERT sử dụng để thẩm tra Tuyên bố về khí nhà kính của Tổ chức.

Ngưỡng sai sót trọng yếu 10%

Mức độ đảm bảo: Giới hạn

Quá trình thu thập bằng chứng thẩm tra

- Thực hiện đánh giá hệ thống giám sát và kiểm soát thông qua quan sát, tìm hiểu và phỏng vấn nhân viên.
- Thẩm tra xác minh dữ liệu thông qua việc lấy mẫu tính toán lại, truy tìm, kiểm tra chéo, đối chứng.

Tiêu chuẩn thẩm tra

Hoạt động thẩm tra thực hiện theo tiêu chuẩn ISO 14064-3:2019; ISO 14065:2020 & ISO 17029:2019

Ghi chú: CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY VÀ CÁP ĐIỆN TAYA VIỆT NAM chịu trách nhiệm chuẩn bị và trình bày chứng thực báo cáo khí nhà kính thông nhất theo các tiêu chí nêu trên. QUACERT có trách nhiệm đưa ra ý kiến về tính đầy đủ, chính xác và đúng sự thật của quá trình thẩm tra.

QUACERT - 30 K. Hoàng Quốc Việt, P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam.
Số: 054.2422179.0075 * Email: quacert@quacert.vn * Website: www.quacert.vn

Ý KIẾN THẨM TRA

Xác nhận là Thỏa đáng

Căn cứ vào quy trình thủ tục đã thực hiện, **không có bằng chứng** để kết luận tuyên bố khí nhà kính trong báo cáo kiểm kê khí nhà kính ban hành ngày 24/02/2025 của **CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY VÀ CÁP ĐIỆN TAYA VIỆT NAM**:

- không chính xác về mặt trọng yếu và trình bày không hợp lý về dữ liệu và thông tin khí nhà kính.
- được chuẩn bị không phù hợp theo yêu cầu của tiêu chuẩn ISO 14064-1:2018.

Trưởng đoàn thẩm tra Nguyễn Tuấn Cường

Ghi chú: QUACERT hoạt động độc lập và không có liên hệ tư nhân với CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY VÀ CÁP ĐIỆN TAYA VIỆT NAM. Ý kiến thẩm tra này được chuẩn bị nhằm mục đích xác minh tuyên bố liên quan đến phạm vi khí nhà kính của CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY VÀ CÁP ĐIỆN TAYA VIỆT NAM được nêu tại văn bản trong phạm vi phạm vi thẩm tra không bao gồm các nội dung khác. Khi đưa ra ý kiến này, QUACERT hiểu rằng các thông tin do CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY VÀ CÁP ĐIỆN TAYA VIỆT NAM cung cấp là đầy đủ, chính xác và đúng sự thật. QUACERT không chịu trách nhiệm pháp lý đối với bất kỳ bên thứ 3 nào dựa vào tuyên bố này.

Ngày ban hành: 26/02/2025



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Tuấn Cường

QUACERT - 30 K. Hoàng Quốc Việt, P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam.
Số: 054.2422179.0075 * Email: quacert@quacert.vn * Website: www.quacert.vn



VERIFICATION REPORT

GHG 010.25.B

ORGANIZATIONAL GHG STATEMENT TAYA (VIETNAM) ELECTRIC WIRE AND CABLE JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 1, 1A Street, Binh Hoa Industrial Zone 2, An Binh Ward, Binh Hoa City, Dong Nai Province, Vietnam.

Organization: GHG Report containing GHG Statement
GHG inventory report 2023

Organizational Boundary:
Operational Control

Scope of activities

Manufacturing various types of electrical wires, enameled wires, communication wires, and bare copper wires, producing conventional power cables, medium-voltage cables, and communication cables.

Reporting Boundary

- Scope 1: Category 1: Direct greenhouse gas emissions and absorptions
- Direct GHG emissions from stationary combustion, mobile combustion
 - Direct GHG emissions from wastewater treatment, equipment leaks (fire extinguisher and air conditioning)
 - Direct GHG emissions from industrial process: use of charcoal for copper furnaces
 - GHG absorptions from trees
- Scope 2: Category 2: Indirect greenhouse gas emissions from purchased electricity
- Scope 3: Category 3: Indirect greenhouse gas emissions from transportation
- Indirect GHG emissions from upstream transport, distribution of goods
 - Indirect GHG emissions from employee commuting
- Scope 3: Category 4: Indirect GHG emissions from products used by the organization

Exclusion from Reporting Boundary

- Scope 3: Category 3:
- Indirect GHG emissions from upstream and downstream transport, distribution of goods, downstream transport of products
 - Indirect GHG emissions from customers' travel to the company and employees' business travel
- Scope 3: Category 5: Indirect greenhouse gas emissions associated with the use of products from organization
- Scope 3: Category 6: Indirect greenhouse gas emissions from other sources
- Justification: not possible to quantify the emission due to company constraints

QUACERT is a member of the International Federation of Certification Bodies (IFCB) and is a member of the International Organization of Standardization (ISO) and the International Electrotechnical Commission (IEC).

Criteria for developing the organizational GHG inventory
ISO 14064-1:2018 and GHG emissions inventory procedure of company

Reporting Period: 01/01/2023 - 31/12/2023

GHG Emissions

Period	Values of emissions, tCO2(e)
01/01/2023 - 31/12/2023	
Scope 1: Category 1	1,891.9648
Scope 2: Category 2	7,541.1166
Scope 3: Category 3	587.1102
Scope 3: Category 4	7,601.8520
Scope 3: Category 5	0
Scope 3: Category 6	0
Total	17,622.8436

VERIFICATION ENGAGEMENT

Responsible Party

TAYA (VIETNAM) ELECTRIC WIRE AND CABLE JOINT STOCK COMPANY

Verification Objectives

To express an opinion on whether the organizational GHG Statement which is historical in nature

- Is accurate, materially correct and is a fair representation of GHG data and information

- Has been prepared in accordance with ISO 14064-1:2018, the criteria used by QUACERT to verify the GHG Organizational Statement.

Materiality Level: 10%

Level of Assurance: Limited

Verification evidence gathering procedures

- Evaluation of the monitoring and controls systems through employee's observation, inquiry and interview

- Verification of the data through sampling recalculation, retracing, cross checking, reconciliation

Verification Standards

The verification was carried out in accordance with ISO 14064-1:2018 and ISO 14064-2:2020 & ISO 17029:2019

Note: TAYA (VIETNAM) ELECTRIC WIRE AND CABLE JOINT STOCK COMPANY is responsible for the preparation and fair presentation of the GHG Statement and report in accordance with the approval of QUACERT is responsible for expressing an opinion on the GHG Statement based on the verification.

QUACERT is a member of the International Federation of Certification Bodies (IFCB) and is a member of the International Organization of Standardization (ISO) and the International Electrotechnical Commission (IEC).

VERIFICATION OPINION

Verified as Satisfactory opinion

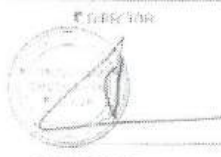
Based on the processes and procedures conducted, there is no evidence that the GHG statement contained in the GHG Inventory report issued on 24/02/2025 produced by TAYA (VIETNAM) ELECTRIC WIRE AND CABLE JOINT STOCK COMPANY

- Is not materially correct and not a fair representation of GHG data and information.
- Has not been prepared in accordance with ISO 14064-1:2018 and its principles.

Lead Verifier: Nguyen Tuan Cuong

Note: QUACERT is independent and has no financial interest in TAYA (VIETNAM) ELECTRIC WIRE AND CABLE JOINT STOCK COMPANY. This 3rd party Verification Opinion has been prepared for TAYA (VIETNAM) ELECTRIC WIRE AND CABLE JOINT STOCK COMPANY only for the purpose of verifying its statement relating to its GHG emissions with procedures described in the scope above. It was not prepared for any other purpose. In making this Statement, QUACERT has assumed that all information provided to it by TAYA (VIETNAM) ELECTRIC WIRE AND CABLE JOINT STOCK COMPANY is true, accurate and complete. QUACERT accepts no liability to any third party who places reliance on this statement.

Issue Date: 26/02/2025



Nguyen Tuan Cuong

QUACERT is a member of the International Federation of Certification Bodies (IFCB) and is a member of the International Organization of Standardization (ISO) and the International Electrotechnical Commission (IEC).

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm 2025/The total amount of raw materials used for the manufacture and packaging of the products as well as services of the organization during the year 2025:

Nguyên vật liệu chính của dây cáp điện là nguyên liệu đồng tấm nhập khẩu, mua nội địa và hạt nhựa PVC, PE mua trong nước. Nguyên liệu chính của sản phẩm dây điện từ là sơn Vecni cách điện nhập khẩu./The main raw materials of electric cables are imported copper sheets, purchased domestically and PVC, PE plastic granules purchased domestically. The main raw materials of electromagnetic wire products are imported insulating varnish.

Trong năm 2025 công ty/In 2025 the company:

- Nhập khẩu đồng tấm khoảng 3.943 tấn 594 kg; mua trong nước 586 tấn 818 kg. **Tổng cộng 4.529 tấn 1.412 kg/Imported copper plate about 3,943 tons 594 kg; domestically purchased 586 tons 818 kg. Total 4,529tons 1,412 kg.**

- Nhập khẩu sơn Vecni cách điện 230 tấn 38 kg; mua trong nước 32 tấn. **Tổng cộng 262 tấn 38 kg/Imported insulating varnish paint 230 tons 38 kg; domestically purchased 32 tons. Total 262 tons 38 kg.**

- Nhập khẩu Hạt nhựa PVC, XLPE 1.110 tấn 275 kg; mua trong nước 1.038 tấn 400 kg/Imported PVC and XLPE plastic granules 1,110 tons 275 kg; domestically purchased 1,038 tons 400 kg.

- Sử dụng lu lô gỗ đóng gói dây cáp điện các loại khoảng 10.944 cái/năm/Use wooden rollers to pack electrical cables of all kinds about 10,944 pieces/year.

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức/The percentage of materials recycled to produce products and services of the organization

0%.

6.4. Tiêu thụ năng lượng/Energy consumption:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp/Energy consumption - directly and indirectly

Năng lượng điện tiêu thụ trực tiếp năm 2025 là: 15.320.669 kw, tăng 338.013 kw so với 14.982.656 kw của năm 2024, nguyên nhân do tăng đơn hàng, tăng sản xuất/Direct electricity consumption in 2025 is: 15,320,669 kw, an increase of 338,013 kw compared to 14,982,656 kw in 2024, due to increased orders and increased production.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả/Energy savings through initiatives of efficiently using energy.

Công ty hoàn thành công tác lắp đặt máy phát điện năng lượng mặt trời. Việc truyền tải điện bắt đầu thực hiện tổng công suất phát điện từ tháng 1 đến tháng 12 năm 2025: 292.968,2 kW; Tiết kiệm điện năng từ năm 2024 đến năm 2025: 292.968,2 kW /Electricity transmission will begin with a total power generation capacity of 292,968.2 kW from January to December 2025; energy savings from 2024 to 2025 will also be 292,968.2 kW.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng

lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này/The report on energy saving initiatives (providing products and services to save energy or use renewable energy); report on the results of these initiatives

Không có/Do not have

6.5. Tiêu thụ nước năm 2025: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)/Water consumption year 2025: (water consumption of business activities in the year 2025)

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng/Water supply and amount of water used

Lượng nước sử dụng trong kinh doanh sản xuất của công ty năm 2025 là 23.456 m³. Nguồn nước sử dụng trong kinh doanh và sản xuất đều do Công ty cấp nước Sonadezi Đồng Nai và Công ty cấp nước thành phố Hải Phòng cung cấp/The amount of water used in the company's production business in 2025 is 23,456 m³. Water sources used in business and production are provided by Sonadezi Dong Nai Water Supply Company and Hai Phong city Water Supply Company.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng/Percentage and total volume of water recycled and reused

Không có/Do not have

6.6. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường/Compliance with the law on environmental protection

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.

Không có/Do not have.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/Number of times the company is fined for failing to comply with laws and regulations on environment

Không có/Do not have.

6.7. Chính sách liên quan đến người lao động/Policies related to employees

a) Số lượng lao động, thu nhập trung bình đối với người lao động/Number of employees, average wages of workers.

Tổng số lao động tại Trụ sở chính Đồng Nai và Chi nhánh thành phố Hải Phòng tại thời điểm 31/12/2025 là 334 người. Trong đó: Lao động người Việt Nam là 322 người; lao động người nước ngoài cư trú là 12 người. Trình độ văn hóa của lao động chiếm tỷ lệ như sau: đại học và cao đẳng và trên đại học chiếm 25%, trung cấp chiếm 20% và trung học phổ thông trở xuống chiếm 55%. Mức thu nhập bình quân người lao động công ty năm 2025 là 15.669.124 đồng/tháng đối với lao động người Việt Nam, đối với lao động người nước ngoài là 63.600.000 VND (bao gồm tháng thứ 13) chưa trừ phí BHXH, BHYT, BHTN.

/The total number of employees at Dong Nai Headquarters and Hai Phong city Branch as of December 31, 2025 is 334 people. Of which: Vietnamese employees are 322 people; foreign employees residing here are 12 people. The educational level of employees accounts for the following proportions: university, college and above 25%, secondary school 20% and high school or below 55%. The average income of the company's employees in 2024 is 15,669,124 VND/month for Vietnamese employees, for foreign employees is 63,600,000 VND (including the 13th month) excluding social insurance, health insurance, and unemployment insurance fees.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động/Labor

policies to ensure health, safety and welfare of workers

➤ Chương trình khám sức khỏe định kỳ/Periodic health checkup program

Hàng năm Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn thể công nhân công ty, nhằm theo dõi phát hiện tình trạng sức khỏe của công nhân để dự phòng, điều trị sớm gìn giữ sức khỏe./Every year, the Company organizes periodic health checks for all company workers, in order to monitor and detect the health status of workers for prevention and early treatment to preserve health.

➤ Đo kiểm môi trường làm việc/Measure the working environment

Một năm hai lần Công ty tổ chức đo kiểm môi trường làm việc của người lao động nhằm đảm bảo an toàn vệ sinh lao động cho công nhân công ty./Twice a year, the Company organizes testing of the working environment of employees to ensure occupational safety and hygiene for company workers.

➤ Chính sách lương/Salary policy

Căn cứ trình độ chuyên môn áp dụng mức cao hơn mức lương qui định hiện hành của chính phủ. Khi kết thúc thời gian thử việc, qua đánh giá khả năng làm việc công nhân được nhận làm việc chính thức. Khi đó mức lương sẽ được tăng lên từ 7% - 15% tùy vị trí. Mỗi năm (thường là vào cuối năm) dựa vào kết quả đánh giá công ty điều chỉnh tăng lương cho nhân viên. Việc tính toán lương tăng ca, làm đêm theo quy định của Luật Lao động./Based on professional qualifications, a higher salary level than the current government regulations is applied. At the end of the probationary period, after evaluating the worker's ability to work, the worker will be officially hired. At that time, the salary will be increased from 7%-15% depending on the position. Each year (usually at the end of the year), based on the evaluation results, the company adjusts the salary increase for employees. Calculating overtime and night work wages according to the provisions of the Labor Law.

Ngoài tiền lương, người lao động tùy theo vị trí công việc mà được hưởng các khoản trợ cấp như trợ cấp làm đêm, trợ cấp chức vụ, trợ cấp chuyên cần, trợ cấp giao thông, trợ cấp khác.../In addition to salary, employees, depending on their job position, are entitled to benefits such as night work allowance, position allowance, attendance allowance, transportation allowance, and other allowances....

➤ Chính sách thưởng/Bonus policy

Nhân viên Công ty làm việc trên 1 năm được thưởng tháng lương thứ 13 hoặc từ 2 tháng lương bình thường trở lên tùy theo lợi nhuận hàng năm của Công ty. Năm 2025 công ty thưởng 02 tháng lương cơ bản cho toàn thể nhân viên và tiền thưởng thâm niên cho nhân viên làm việc gắn bó lâu dài với công ty./Company employees who work for more than 1 year are awarded a 13th month salary or 2 months of normal salary or more depending on the Company's annual profit. In 2025, the company will award 02 months of basic salary to all employees and a long-term bonus to employees who work long-term with the company.

Ngoài mức thưởng trên, nhân viên còn được hưởng các phúc lợi khác vào dịp lễ 30/4, 1/5, tặng quà vào dịp tết Trung thu, được công ty chi trả tiền đồng phục, tiền cơm trưa./In addition to the above bonus, employees also enjoy other benefits on the holidays of April 30 and May 1, gifts on the Mid-Autumn Festival, and the company pays for uniforms and lunches.

Hỗ trợ nhân viên lễ cưới, khi đau ốm, tai nạn lao động và tang lễ/Support staff at weddings, sickness, work accidents and funerals.

Tiền mừng lễ cưới đối với nhân viên làm việc trên 1 năm là 1.000.000 đồng; làm việc dưới 1 năm là 700.000 đồng; 500.000 đồng đối với lễ cưới con nhân viên công ty. Khi nhân viên bị đau ốm hoặc tai nạn lao động tiền thăm hỏi là 300.000 đồng còn tang lễ là 1.000.000 đồng/Wedding bonus for employees working more than 1 year is 1,000,000 VND; Working less than 1 year is 700,000 VND; 500,000 VND for the wedding of a company employee's child. When an employee is sick or has an accident, the visit fee

is 300,000 VND and the funeral fee is 1,000,000 VND.

c) Hoạt động đào tạo người lao động/Employee training

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên./The average number of training hours per year, according to the staff and classified staff.

➤ Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm/Average training hours per year

- Tổng số giờ đào tạo: 766 giờ, trung bình 5,95 giờ cho một nhân viên theo phân loại nhân viên/Total training hours: 766 hours, average 5.95 hours per employee by employee classification.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp/The skills development and continuous learning program to support workers employment and career development

Theo các quy định về nâng cao trình độ chuyên môn đối với nhân viên. Hỗ trợ các khóa học đào tạo ngoại ngữ và tay nghề, tiếp tục chương trình Đại học cho những công nhân có nhu cầu học tập và có thành tích đạt yêu cầu./According to regulations on improving professional qualifications for employees. Support foreign language and skills training courses and continue university programs for workers who have learning needs and have satisfactory achievements.

6.8. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương/Report on responsibility for local community

Năm 2025 Công ty hỗ trợ tiền khuyến học cho con em người lao động trong công ty 168.200.000 đồng/In 2025, the company will provide financial support of 168,200,000 VND to the children of its employees for their education.

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng/The community investments and other community development activities, including financial assistance to community service

- Không có/Do not have.

6.9. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN/Report on green capital market activities under the guidance of the ssc

- Không có/Do not have.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc/Reports and assessments of the Board of Management (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty(the Board of Management reports and assesses the Company's situation through every facet)

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh/Assessment of operating results

DVT/unit: đồng/VND

CHỈ TIÊU/Indicators	2025	2024	Tăng/Giảm (change)	% Tăng/giảm (%change)
1. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ/Revenue from sale of goods and provision of services	2.346.649.714.331	1.860.877.702.477	485.772.011.854	26,10
2. Giá vốn hàng bán/ Cost of sales and services	2.092.819.128.263	1.681.440.047.437	411.379.080.826	24,47
3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ/Gross profit	253.830.586.068	179.437.655.040	74.392.931.028	41,46

4. Doanh thu hoạt động tài chính/ <i>Financial income</i>	41.520.671.082	33.744.571.943	7.776.099.139	23,04
5. Chi phí tài chính/ <i>Financial expenses</i>	58.182.007.050	37.989.312.006	20.192.695.044	53,15
6. Chi phí bán hàng/ <i>Selling expenses</i>	42.574.613.375	33.473.874.671	9.100.738.704	27,19
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp/ <i>General and administration expenses</i>	44.944.271.272	44.012.985.314	931.285.958	2,12
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/ <i>Net operating profit</i>	149.650.365.453	97.706.054.992	51.944.310.461	53,16
9. Thu nhập khác/ <i>Other income</i>	294.860.349	397.424.892	-102.564.543	-25,81
10. Chi phí khác/ <i>Other expenses</i>	1.435.639.771	978.143.477	457.496.294	46,77
11. Lợi nhuận trước thuế/ <i>Accounting profit before tax</i>	148.509.586.031	97.125.336.407	51.384.249.624	52,91
12. Thuế thu nhập doanh nghiệp/ <i>Corporate income tax is</i>	29.940.982.743	19.528.067.647	10.412.915.096	53,32
13. Thu nhập(chi phí)thuế thu nhập hoãn lại/ <i>Deferred tax expense</i>	56.528.989	23.018.647	33.510.342	145,58
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp/ <i>Net profit after tax</i>	118.512.074.299	77.574.250.113	40.937.824.186	52,77
15. Lãi lỗ cơ bản trên cổ phần/ <i>Basic earnings per share</i>	3.747	2.453	-	-

Phân tích tổng quan hoạt động công ty/*General analysis company's operations*

So sánh kết quả kinh doanh năm 2025 và năm 2024 như sau/*Compare business results in 2025 and 2024 as follows:*

Doanh thu: Doanh thu năm 2025 khoảng 2.346,6 tỷ đồng tăng 26,10% so với năm 2024. Trong đó xuất khẩu chiếm 30% giảm 3,95% so với năm 2024. Chủ yếu xuất khẩu sang các nước Campuchia, Lào, Myanmar và xuất khẩu tại chỗ tại các khu công nghiệp, khu chế xuất./**Revenue:** Revenue in 2025 is about 2,346.6 billion VND, an increase of 26.10% compared to 2024. Of which, exports account for 30%, an down 3.95%% compared to 2024. Mainly exported to Cambodia, Laos, Myanmar and on-site exports in industrial parks and export processing zones.

- **Chi phí bán hàng/doanh thu:** Chi phí này năm 2025 ở mức 1,8% bằng mức 1,8 % của năm 2024, phản ánh doanh thu tuy gia tăng nhưng chi phí bán hàng tương ứng ổn định và hiệu quả./**Cost of sales/revenue:** This cost in 2025 is at 1.8%, the same as in 2024, reflecting that while revenue has increased, corresponding selling expenses remain stable and efficient.
- **Chi phí quản lý/doanh thu:** Chi phí này năm 2025 ở mức 1,92% thấp hơn mức 2,37% của năm 2024 phản ánh doanh thu gia tăng nhưng hiệu quả quản lý tốt hơn năm 2024./**Management cost/revenue:** This cost in 2025 at 1.92% is lower than 2024 at 2.37% reflecting increased revenue but better management efficiency than in 2024.
- **Chi phí tài chính/doanh thu:** Chi phí tài chính năm 2025 khoảng 2,48% cao hơn mức 2,04% của năm 2024, phản ánh nhu cầu vay vốn lưu động và chi phí lãi vay cao hơn năm 2024./**Financial costs/revenue:** Financial costs in 2025 are approximately 2.48%, higher than the 2.04% of 2024, reflecting greater working capital borrowing needs and interest expenses compared to 2024.

➤ Nguyên nhân lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch/ *Reasons for profit after tax exceeding plan*

Lợi nhuận sau thuế TNDN tăng 118.512.074.299 đồng, tương ứng tăng 116,83% so với kế hoạch nguyên nhân là nhờ vào lợi ích từ tăng trưởng kinh tế trong nước và mở rộng sản xuất, phát triển kinh tế các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài và trong nước. Đồng thời công ty kiểm soát hiệu quả giá cả nguyên vật liệu nhập khẩu, giảm giá thành sản xuất và quản lý, chi phí tài chính được duy trì ở mức hợp lý là nguyên nhân chính công ty kinh doanh có lãi/*Net profit after corporate income tax increased by VND*

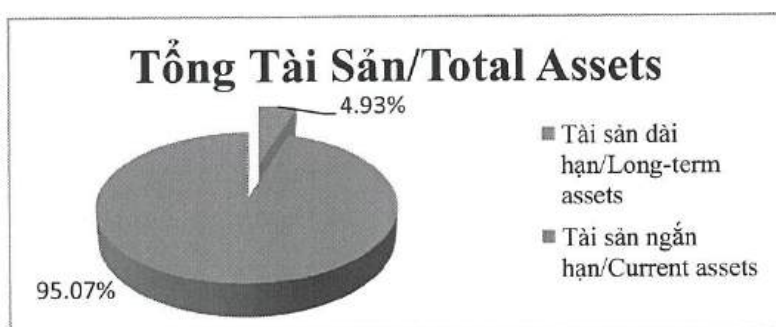
118,512,074,299, equivalent to a 116.83% increase compared to the plan. This was due to benefits from domestic economic growth and the expansion of production and economic development of both domestic and foreign-invested enterprises. Simultaneously, the company effectively controlled the prices of imported raw materials, reduced production and management costs, and maintained reasonable financial expenses, which were the main reasons for the company's profitability.

- **Giá trị sổ sách tại thời điểm báo cáo (Book Value)/ Book value at the time of reporting:**

Chỉ tiêu/Indicators	2025	2024	2023
Giá trị sổ sách/Book value (đồng/cp/VND/shares)	20.882	17.908	15.631

2. Tình hình tài chính/Financial Situation

a) Tình hình tài sản/Assets



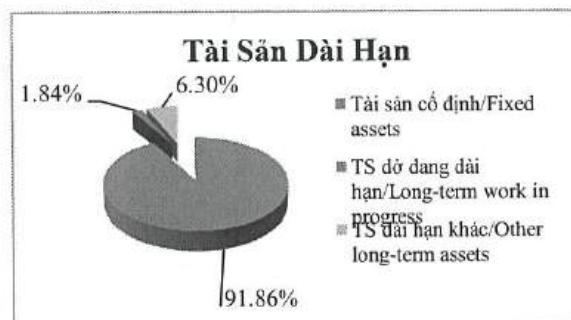
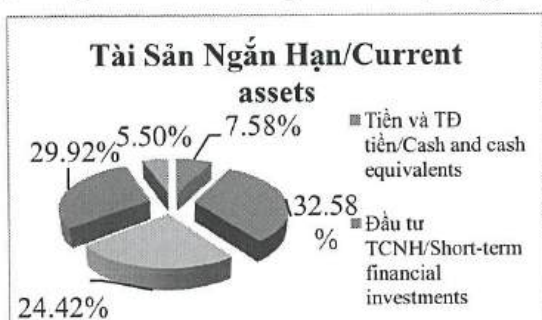
- Tổng tài sản công ty năm 2025 là 1.597.233.619.498 đồng, trong đó, tài sản ngắn hạn chiếm 95,07%, tỷ lệ này tuy cao, nhưng do tài sản ngắn hạn trong thời gian ngắn đã hoàn thành xoay vòng vốn và tạo ra giá trị. Vì vậy, khi dự tính cho thị trường kỳ vọng đối với loại tài sản này thường dễ hơn và tương đối chuẩn xác, thị trường biến động ít do trong thời gian ngắn hạn rủi ro về kinh doanh tương đối nhỏ.

/The company's total assets in 2025 are VND 1,597,233,619,498, of which short-term assets account for 95,07%. Although this ratio is high, short-term assets have completed capital turnover and created value in a short time. Therefore, when estimating market expectations for this type of asset, it is often easier and relatively accurate. The market fluctuates less because in the short term, business risks are relatively small.

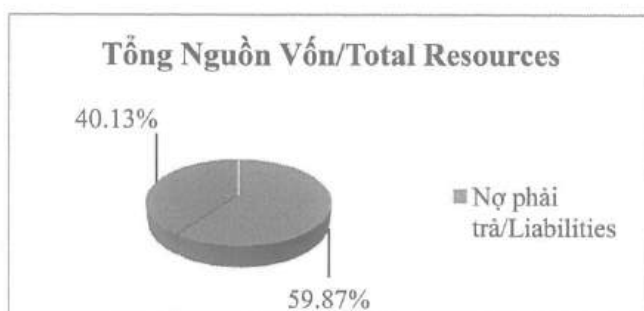
- Ngược lại, đối với tài sản dài hạn, tài sản cố định phải trong thời gian dài mới hoàn thành xoay vòng vốn và tạo ra giá trị. Trong điều kiện thời gian dài thì thị trường biến động khó lường, công ty dự tính thị trường kỳ vọng đối với loại tài sản này thường khó hơn và thiếu tính chuẩn xác.

/On the contrary, for long-term assets, fixed assets must take a long time to complete capital turnover and create value. In the long-term condition, the market fluctuates unpredictably, so it is often more difficult and inaccurate for companies to predict the expected market for this type of asset.

- Cơ cấu tài sản khác nhau sẽ gặp phải những rủi ro cũng khác nhau. Tài sản dài hạn, tài sản cố định càng lớn thì mức độ hứng chịu rủi ro cũng sẽ lớn./Different asset structures will encounter different risks. The larger the long-term assets and fixed assets, the greater the level of risk exposure.



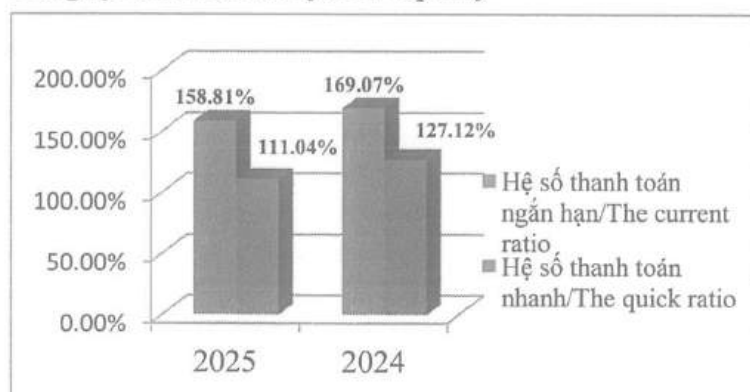
b) Tình hình nợ phải trả/*Debt Payable*



- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ/*Current debts, major changes of debts*

- Năm 2025 công ty không có nợ dài hạn, chỉ có nợ ngắn hạn khoảng 956,2 tỷ đồng, chiếm 59,87% trên Tổng nguồn vốn (khoảng 1.597,2 tỷ đồng) công ty./In 2025, the company has no long-term debt, only short-term debt of about 956.2 billion VND, accounting for 59.87% of the company's total capital (about 1,597.2 billion VND).
- Trong đó, vay ngắn hạn khoảng 856,9 tỷ đồng chiếm 89,62% trên nợ ngắn hạn, khoản vay này chủ yếu dùng để thanh toán nguyên liệu đồng tấm nhập khẩu./Of which, short-term loans are about 856.9 billion VND, accounting for 89.62% of short-term debt. This loan is mainly used to pay for imported copper sheet materials.
- Nợ ngắn hạn cao sẽ ảnh hưởng đến giá trị của Doanh nghiệp và có những rủi ro nhất định, nhưng đối với một Doanh nghiệp sản xuất ổn định như Taya Việt Nam, phần lớn nợ ngắn hạn đều mang tính chiếm dụng luân chuyển và tính ổn định nhất định, đó ví như một khoản tiền vốn chiếm dụng dùng để tích trữ nguyên vật liệu sản xuất, bán thành phẩm và sản phẩm mà Doanh nghiệp liên tục luân chuyển sử dụng. Nợ ngắn hạn phải đồng thời với việc đánh giá đúng năng lực thanh toán của mình mới có thể tránh khỏi những rủi ro cho Doanh nghiệp.
/High short-term debt will affect the value of the Enterprise and have certain risks, but for a stable manufacturing Enterprise like Taya Vietnam, most short-term debt is of a rotating nature and has a certain stability, it is like a capital amount used to store raw materials for production, semi-finished products and products that the Enterprise continuously rotates and uses. Short-term debt must be combined with a correct assessment of its payment capacity to avoid risks for the Enterprise.
- Chỉ số ROE năm 2025 của công ty là 18,49% cao hơn 4,37% năm 2024 phản ánh khả năng tăng lợi nhuận rất cao so với năm 2024./The company's 2025 ROE index is 18.49%, higher than 4.37% in 2024, reflecting the ability to increase profits very high compared to 2024.
- Dưới tác động của kinh tế thế giới dần phục hồi, doanh thu công ty tăng cao và kiểm soát hiệu quả giá cả nguyên liệu PVC đầu vào, giảm giá thành sản xuất và chi phí tài chính giúp công ty kinh doanh có lãi./Under the influence of the gradually recovering global economy, the company's revenue increased and effective control of input PVC material prices, reduced production costs and financial costs helped the company operate profitably.

Năng lực thanh toán/*Payment capacity*



- Hệ số thanh toán ngắn hạn năm 2025 là 158,81% thấp hơn 169,07% năm 2024, phản ánh năng lực huy động vốn lưu động để thanh toán nợ ngắn hạn của công ty năm 2025 thấp hơn năm 2024. Tuy nhiên, tài sản ngắn hạn của công ty dồi dào và khả năng tài sản lưu động chuyển đổi thành tiền khá cao khoảng 1.518,5 tỷ đồng (phải thu ngắn hạn khoảng 370,8 tỷ đồng; hàng tồn kho khoảng 454,3 tỷ đồng) sẽ không xảy ra nguy cơ mất khả năng thanh toán.

/The current ratio in 2025 is 158.81%, lower than 169.07% in 2024, reflecting the company's ability to mobilize working capital to pay short-term debts in 2024 is lower than in 2023. However, the company's current assets are abundant and the ability to convert current assets into cash is quite high, about VND 1,518.5 billion (short-term receivables are about VND 370.8 billion; inventories are about VND 454.3 billion), so there will be no risk of insolvency.

- Hệ số thanh toán nhanh năm 2025 là 111,04% dù thấp hơn 127,12% của năm 2024, tuy nhiên tiền và các khoản tương đương tiền dồi dào, thể hiện năng lực thanh toán nhanh của công ty rất lý tưởng. */The quick ratio in 2025 is 111.04%, although lower than the 127.12% of 2024; however, the abundant cash and cash equivalents demonstrate the company's ideal quick payment capacity.*

Phân tích nợ phải trả quá hạn, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay. / Analysis of bad debts, impacts of the exchange rate changes on operating results of the Company and impacts of lending rate changes

- **Nợ phải trả năm 2025** của công ty khoảng 956,2 tỷ đồng, nợ ngắn hạn này tuy lớn nhưng hoàn toàn nằm trong năng lực chi trả của công ty. Ví dụ, các khoản phải thu ngắn hạn của công ty vào khoảng 370,8 tỷ đồng và giá trị hàng tồn kho khoảng 454,3 tỷ đồng. Khoản tiền và tương đương tiền là 115 tỷ đồng vẫn cân đối cao hơn nợ phải trả. */The company's liabilities in 2025 are approximately VND 956.2 billion. While this short-term debt is substantial, it is entirely within the company's repayment capacity. For example, the company's short-term receivables are around VND 370.8 billion and inventory is valued at approximately VND 454.3 billion. Cash and cash equivalents of VND 115 billion still outweigh liabilities.*
 - **Chênh lệch tỉ lệ giá hối đoái** sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hoạt động sản xuất của công ty. Tuy nhiên năm 2025 tỷ giá hối đoái tương đối ổn định không gây ảnh hưởng lớn đến kết quả hoạt động kinh doanh của công ty. */The exchange rate difference will directly affect the company's production results. However, in 2025, the relatively stable exchange rate will not have a major impact on the company's business results.*
 - **Chênh lệch lãi vay** các ngân hàng thương mại không nhiều, ít gây ảnh hưởng lớn đến kết quả hoạt động của công ty. */The difference in loan interest rates from commercial banks is not much, causing little impact on the company's operating results.*
- 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý/ Improvements in organizational structure, policies, and management**
- Đã thực hiện kế hoạch công nghiệp 4.0 và trở thành một trong top 50 nhà máy sản xuất xanh sạch tại Việt Nam. Đã hoàn thành hệ thống quản lý mạng điện tử liên thông từ các khâu sản xuất, mua hàng, kiểm phẩm và bộ phận kế toán. */Implemented the industry 4.0 plan and became one of the top 50 clean green manufacturing factories in Vietnam. Completed electronic network management system connecting all stages of production, purchasing, quality inspection and accounting department.*
 - Đã thực hiện kiểm kê khí thải nhà kính năm 2025 tại nhà máy công ty và được cấp chứng nhận ISO 14064-1:2018 phù hợp tiêu chuẩn quản lý khí nhà kính và nhận được ban hành ngày 26/02/2025. */A greenhouse gas emissions inventory for 2025 has been conducted at the company's factory, and ISO*

14064-1:2018 certification for greenhouse gas management has been issued, dated February 26, 2025.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai/Development plans in future

Duy trì chỉ tiêu tăng trưởng doanh thu trên 50%, xuất khẩu 40%, lợi nhuận sau thuế trên 90 tỷ đồng/
Maintain revenue growth target of over 50%, export of 40%, profit after tax of over 90 billion VND.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)- (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần)/ Explanation of the Board of Management for auditor's opinions (if any) - (In case the auditor's opinions are not unqualified)

- Không có/Do not have

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty/Assessment Report related to environmental and social responsibilities of the Company

Hiện trạng môi trường tại công ty theo kết quả đo đạc chất lượng môi trường tháng 12/2025 do Viện Nước và Công nghệ môi trường Tp. HCM thực hiện/
Current environmental status at the company according to the results of environmental quality measurements in December 2025 by the City Institute of Water and Environmental Technology. HCM implemented.

- **Chất lượng môi trường không khí:** Tất cả các chỉ tiêu đo đạc, phân tích tại các vị trí lấy mẫu tại công ty đều đạt tiêu chuẩn cho phép, QCVN 05: 2013/BTNMT, QCVN 26: 2010/BTNMT và TCVSLĐ3733/2002/BYT/QĐ/
Air environment quality: All measurement and analysis criteria at sampling locations at the company meet allowed standards, QCVN 05: 2013/BTNMT, QCVN 26: 2010/BTNMT and TCVSLĐ3733/ 2002/BYT/QĐ.
- **Chất lượng môi trường nước thải:** Tất cả các chỉ tiêu đều đạt tiêu chuẩn theo quy định trước khi thải vào cống thu gom thoát nước của KCN Biên Hòa II/
Wastewater environmental quality: All indicators meet the prescribed standards before being discharged into the drainage collection sewer of Bien Hoa II Industrial Park.
- **Thu gom chất thải rắn đặc biệt nguy hại:** Đã bố trí nhiều thùng chứa chất thải từng khu vực. Hằng ngày có đội vệ sinh chuyên nghiệp vào công ty thu gom, vận chuyển về địa điểm lưu trữ riêng biệt.
Collection of especially hazardous solid waste: Many waste containers have been arranged in each area. Every day, a professional cleaning team comes into the company to collect and transport to a separate storage location.
- Đã được cấp Sổ đăng ký quản lý chủ nguồn thải chất thải nguy hại/
Has been granted a registration book for hazardous waste source owner management.
- Công ty trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân và hệ thống các thiết bị, dụng cụ PCCC trong từng khu vực nội bộ công ty.
The company fully equips labor protection equipment for workers and a system of fire prevention equipment and tools in each internal area of the company.

Qua kết quả đo đạc trên, hiện trạng môi trường của công ty đã đạt tiêu chuẩn và phù hợp với quy định về pháp luật môi trường tại Việt Nam/
Through the above measurement results, the company's current environmental status has met standards and is in accordance with environmental law regulations in Vietnam.

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...) /Assessment concerning the environmental indicators (water consumption, energy, emissions, etc)

- Năm 2025 công ty tiêu thụ nước 23.456 m³ tăng 1.000 m³ so với năm 2024. Trong đó lượng nước sinh hoạt như nấu cơm cho công nhân ăn, vệ sinh cá nhân và tưới tiêu vườn hoa cây xanh trong công ty chiếm khoảng 13.761 m³ và 9.695 m³ còn lại sử dụng trong hoạt động sản xuất chủ yếu là nước tuần hoàn làm

nguồn sản phẩm không thải ra ngoài, tỷ lệ hao hụt do bốc hơi, thay nước không đáng kể không gây ảnh hưởng đến môi trường. Nước thải sinh hoạt phù hợp tiêu chuẩn quy định.

In 2025, the company consumed 23,456 m3 of water, an increase of 1,000 m3 compared to 2024. Of which, the amount of water used for daily life such as cooking rice for workers, personal hygiene and watering the flower garden in the company accounted for about 13,761 m3 and the remaining 9,695 m3 used in production activities is mainly circulating water to cool products without being discharged, the loss rate due to evaporation and water replacement is insignificant and does not affect the environment. Domestic wastewater meets the prescribed standards.

- Tỷ suất năng lượng điện tiêu hao trong hoạt động sản xuất tính trên doanh thu (có thuế VAT) năm 2025 là 0,0007% thấp hơn 0,0081% của năm 2024 do hiệu quả công ty đầu tư năng lượng mặt trời mang đến. Năng lượng điện là năng lượng sạch không gây ảnh hưởng môi trường và được tận dụng 100% trong hoạt động sản xuất. *The ratio of electricity consumption in production activities to revenue (including VAT) in 2025 is 0.0007%, lower than 0.0081% in 2024, due to the efficiency of the company's solar energy investment. Electricity is a clean energy source that does not harm the environment and is 100% utilized in production activities.*
- Các chất thải rắn được thu gom xử lý theo quy định của pháp luật môi trường. *Solid waste is collected and treated according to environmental laws.*

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động/Assessment concerning the labor issues

Công ty hoạt động tuân thủ mọi quy định của pháp luật hiện hành, mọi quyền lợi hợp pháp của công nhân đều được đảm bảo và thực thi. Công nhân được tự do tổ chức, tham gia hoạt động công đoàn và được công ty hỗ trợ kinh phí hoạt động. Mỗi quý một lần công ty tiến hành đối thoại dân chủ giữa người lao động và người sử dụng lao động tại nơi làm việc của công nhân trong công ty, hai bên cùng nhau thảo luận, trao đổi ý kiến và tháo gỡ thắc mắc liên quan đến trách nhiệm nghĩa vụ và quyền lợi của người lao động và người sử dụng lao động. Vì vậy, mối quan hệ giữa người lao động và người sử dụng lao động trong công ty diễn ra rất hài hòa và gắn bó với nhau. *The company operates in compliance with all current legal regulations, all legal rights of workers are guaranteed and enforced. Workers are free to organize, participate in union activities and are supported by the company with operating costs. Once a quarter, the company conducts a democratic dialogue between employees and employers at the workplace of the workers in the company, the two sides discuss, exchange opinions and resolve questions related to the responsibilities, obligations and rights of employees and employers. Therefore, the relationship between employees and employers in the company is very harmonious and close to each other.*

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương/Assessment concerning the corporate responsibility for the local community

Là công ty có vốn đầu tư nước ngoài đầu tư rất sớm tại tỉnh Đồng Nai vào năm 1992, góp phần vào công cuộc phát triển kinh tế, xã hội của chính phủ địa phương. Năm 2005 là công ty có vốn đầu tư nước ngoài đầu tiên tham gia niêm yết giao dịch chứng khoán tại Việt Nam, đóng vai trò tiên phong gây dựng niềm tin đầu tư vào thị trường vốn Việt Nam. Nhiều năm qua, công ty giữ vững đầu tư, ổn định sản xuất tại tỉnh Đồng Nai và tỉnh Hải Dương, tạo dựng công ăn việc làm, cải thiện thu nhập, cuộc sống ổn định cho người lao động. Mỗi năm, công ty đều hỗ trợ học bổng cho trường cao đẳng Đại học tại địa phương, cũng như việc tài trợ tiền khuyến học cho con em người lao động của công ty và tham gia hoạt động từ thiện khác. *It is a foreign-invested company that invested very early in Dong Nai province in 1992, contributing to the economic and social development of the local government. In 2005, it was the first foreign-invested company to participate in*

listing stock exchanges in Vietnam, playing a pioneering role in building investment confidence in Vietnam's capital market. Over the years, the company has maintained investment and stabilized production in Dong Nai and Hai Duong provinces, creating jobs, improving income and stable life for workers. Every year, the company supports scholarships for local colleges and universities, as well as sponsoring study incentives for the company's employees' children and participating in other charitable activities.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty/Assessments of the Board of Directors on the Company's operation

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội/Assessments of the Board of Directors on the Company's operation, including the assessment related to environmental and social responsibilities

Năm 2025 là một năm hoạt động tương đối thành công của công ty, trong bối cảnh tác động kinh tế thế giới dần phục hồi, sản lượng và doanh thu công ty gia tăng đáng kể. Trong những thay đổi khởi sắc đó công ty luôn duy trì chính sách đảm bảo chất lượng đã cam kết trong sản xuất và linh động giảm giá hàng bán, cắt giảm lợi nhuận ở mức chấp nhận được để cạnh tranh đơn hàng, luôn tạo công ăn việc làm cho công nhân, không sa thải công nhân, góp một phần sức lực làm tròn trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp./2025 is a relatively successful year for the company, in the context of the gradual recovery of the world economic impact, the company's output and revenue have increased significantly. In these positive changes, the company has always maintained its committed quality assurance policy in production and flexibly reduced sales prices, cut profits to an acceptable level to compete for orders, always created jobs for workers, did not lay off workers, and contributed part of its efforts to fulfill the social responsibility of the enterprise.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty/Assessment of Board of Directors on Board of Management's performance

Trong quá trình thực hiện quản trị công ty năm 2025, Ban giám đốc luôn tuân thủ pháp luật và quy chế nội bộ của công ty không vi phạm pháp luật, tình hình tài chính lành mạnh, không có dấu hiệu khác thường hoặc sử dụng vốn sai lệch mục đích, hoặc đầu tư ngành nghề khác khi chưa được Hội đồng quản trị chấp thuận./In the process of implementing corporate governance in 2025, the Board of Directors always complies with the law and the company's internal regulations do not violate the law, the financial situation is healthy, there are no unusual signs or abuses. capital for the wrong purpose, or invested in other industries without approval from the Board of Directors.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị/Plans and orientations of the Board of Directors

Kinh tế thế giới năm 2025 dần được phục hồi, trong khi Việt Nam đạt tốc độ tăng trưởng GDP 8,02%, nhưng ảnh hưởng từ Chiến tranh giữa Nga-Ukraine, căng thẳng Trung Đông (Mỹ-Israel-Iran) và chiến lược Mỹ-Trung leo thang qua các cuộc chiến thuế quan cho thấy nền kinh tế toàn cầu đang tiềm ẩn nhiều rủi ro khó lường, Do đó, Hội đồng quản trị cần trọng lập kế hoạch kinh doanh sản xuất của công ty năm 2026 như sau:

The global economy is gradually recovering in 2025. Vietnam achieved a GDP growth rate of 8.02%, but the impact of the Russia-Ukraine war, Middle East tensions (US-Israel-Iran), and escalating US-China trade wars indicate that the global economy is fraught with unpredictable risks. Therefore, the Board of Directors has carefully planned the company's production and business activities for 2026 as follows:

Đvt: đồng/VND

CHỈ TIÊU/ <i>Indicators</i>	Năm/Year 2026
Doanh thu thuần/ <i>Net revenue</i>	2.430.489.484.829
Lợi nhuận gộp/ <i>Gross profit</i>	186.250.803.715
Lợi nhuận trước thuế/ <i>Profit before tax</i>	91.334.997.987
Chi phí thuế TNDN/ <i>Income tax expense – current</i>	17.019.462.772
Lợi nhuận sau thuế/ <i>Profit after tax</i>	74.315.535.215

Các số liệu trình bày trên là dựa trên cơ sở dự tính giá đồng bình quân trong năm 2026 ở mức 9.700USD/T và tỷ giá ổn định ở mức 26.650VND/USD/*The figures presented above are based on the estimated average copper price in 2026 at 9,700USD/T and a stable exchange rate at 26,650VND/USD.*

V. Quản trị công ty/*Corporate governance*

1. Hội đồng quản trị/*Board of Directors*

a) Thành viên và cơ cấu của HĐQT/*Members and structure of the Board of Directors*

Ông/Mr: Shen Shang Pang

Chức vụ hiện tại/*Current position*: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện TAYA Việt Nam./
Chairman of the Board of Directors of TAYA Vietnam Electric Wire and Cable Joint Stock Company.

Phó chủ tịch HĐQT/*Vice Chairman of the Board of Directors of Taya Electric Wire & Cable Co., Ltd.*

Giám đốc/*Manager of Taya Viet Nam (Cayman) Holding Ltd.*

Ngày tháng năm sinh/*Date of birth*: 01/10/1953

Quốc tịch/*Nationality*: Taiwan (R.O.C)

Dân tộc/*Ethnic*: Hán/Han

Trình độ văn hóa/*Education level*: Học viện Côn Sơn, Đài Loan/*Kunshan Academy, Taiwan.*

Tỷ lệ sở hữu cổ phần/*Shares ownership ratio*: 179.054 cổ phần/*Shares (0,58%)*.

Ông/Mr: Shen Shang Tao

Chức vụ hiện tại/*Current position*: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam./
Vice Chairman of the Board of Directors of Taya Vietnam Electric Wire and Cable Joint Stock Company.

Phó Tổng giám đốc/*Deputy General Manager of Taya Electric Wire & Cable Co., Ltd.*

Giám đốc/*Manager of Taya Viet Nam (Cayman) Holding Ltd.*

Ngày tháng năm sinh/*Date of birth*: 16/12/1960

Nơi sinh/*Place of birth*: Tainan, Taiwan

Quốc tịch/*Nationality*: Taiwan (R.O.C)

Dân tộc/*Ethnicity*: Hán/Han

Trình độ văn hóa/*Education level*: Đại học Nam California, Hoa Kỳ/*University of Southern California, USA.*

Tỷ lệ sở hữu cổ phần/*Shares ownership ratio*: 44.732 cổ phần/*Shares (0,15%)*.

Ông/Mr: Shen Shang Hung

Chức vụ hiện tại/*Current position*: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam./
Member of the Board of Directors of Taya Vietnam Electric Wire and Cable Joint Stock Company.

Chủ tịch HĐQT/*Chairman of the Board of Directors of Taya Electric Wire & Cable Co., Ltd.*

Người đại diện theo pháp luật - Giám đốc/*Legal representative - Director of Taya Viet Nam (Cayman) Holding Ltd.*

Ngày tháng năm sinh/*Date of birth*: 16/11/1958

Nơi sinh/*Place of birth*: Tainan, Taiwan

Quốc tịch/*Nationality*: Taiwan (R.O.C) Dân tộc/*Ethnicity*: Hán/*Han*

Trình độ văn hóa/*Education level*: Đại Học Đài Loan, MBA Đại Học Emory, Hoa Kỳ/*Taiwan University, MBA Emory University, USA.*

Tỷ lệ sở hữu cổ phần/*Shares ownership ratio*: 46.442 cổ phần/*Shares (0,15%)*.

Ông/Mr: Shen San Yi

Chức vụ hiện tại/*Current position*: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam. /
Member of the Board of Directors of Taya Vietnam Electric Wire and Cable Joint Stock Company

Tổng Giám Đốc/*General Director of Taya Electric Wire & Cable Co., Ltd.*

Giám đốc/*Manager of Taya Viet Nam (Cayman) Holding Ltd.*

Ngày tháng năm sinh/*Date of birth*: 09/3/1961

Nơi sinh/*Place of birth*: Tainan, Taiwan

Quốc tịch/*Nationality*: Taiwan (R.O.C) Dân tộc/*Ethnicity*: Hán/*Han*

Trình độ văn hóa/*Education level*: Đại Học Côn Sơn, Đài Loan/*Kunshan University, Taiwan.*

Tỷ lệ sở hữu cổ phần/*Shares ownership ratio*: 217.535 cổ phần/*Shares (0,71%)*.

Ông/Mr: Hsu Ching Yao

Chức vụ hiện tại/*Current position*: Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam/*Board Member and General Director of Taya Vietnam Electric Wire and Cable Joint Stock Company.*

Ngày tháng năm sinh/*Date of birth*: 31/12/1967

Nơi sinh/*Place of birth*: Tainan, Taiwan.

Quốc tịch/*Nationality*: Taiwan (R.O.C) Dân tộc/*Ethnicity*: Hán/*Han*

Trình độ văn hóa/*Education level*: Quản lý kinh doanh /*Feng Chia University Business management.*

Tỷ lệ sở hữu cổ phần/*Shares ownership ratio*: 0 cổ phần/*Shares (0%)*.

Ông/Mr: Chen Chung Kuang

Chức vụ hiện tại/*Current position*: Thành viên HĐQT độc lập Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam./*Independent member of the Board of Directors of Taya Vietnam Electric Wire and Cable Joint Stock Company.*

Ngày tháng năm sinh/*Date of birth*: 15/10/1967

Nơi sinh/*Place of birth*: Tainan, Taiwan.

Quốc tịch/*Nationality*: Taiwan (R.O.C) Dân tộc/*Ethnicity*: Hán/*Han*

Trình độ văn hóa/*Education level*: Master Học viện Công nghệ New York/*Master New York Institute of Technology.*

Tỷ lệ sở hữu cổ phần/*Shares ownership ratio*: 0 cổ phần/*Shares (0%)*.

Ông/Mr: Pa Kuei Chuang

Chức vụ hiện tại/*Current position*: Thành viên HĐQT độc lập Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam/*Independent member of the Board of Directors of Taya Vietnam Electric Wire and Cable Joint Stock Company.*

Ngày tháng năm sinh/*Date of birth*: 02/07/1960

Nơi sinh/*Place of birth*: Tainan, Taiwan.

Quốc tịch/*Nationality*: Taiwan (R.O.C)

Dân tộc/*Ethnicity*: Hán/*Han*

Trình độ văn hóa/*Education level*: Thạc sĩ EMBA Đại học Quốc gia Thành Công Đài Loan/*National Cheng Kung University Executive Master of Business Administration (EMBA)*.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần/*Shares ownership ratio*: 0 cổ phần /*Shares (0%)*.

Ông/Mr: Lin Fu Chih

Chức vụ hiện tại/*Current position*: Thành viên HĐQT độc lập Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam./*Independent member of the Board of Directors of Taya Vietnam Electric Wire and Cable Joint Stock Company*.

Ngày tháng năm sinh/*Date of birth*: 10/01/1952

Nơi sinh/*Place of birth*: Tainan, Taiwan.

Quốc tịch/*Nationality*: Taiwan (R.O.C)

Dân tộc/*Ethnicity*: Hán/*Han*

Trình độ văn hóa/*Education level*: Đại học Thành Công Đài Nam/*Tainan Chenggong University*.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần/*Shares ownership ratio*: 0 cổ phần/*Shares (0%)*.

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị/*the committees of the Board of Directors*

Công ty thành lập tiểu ban kiểm toán thuộc Hội đồng quản trị, các thành viên bao gồm/*The Company established an audit subcommittee under the Board of Directors, the members of which include:*

- Ông/Mr: Chen Chung Kuang – thành viên độc lập HĐQT/*Independent member of the Board of Directors*.
- Ông/Mr: Pa Kuei Chuang – thành viên độc lập HĐQT/*Independent member of the Board of Directors*.
- Ông/Mr: Lin Fu Chih – thành viên độc lập HĐQT/*Independent member of the Board of Directors*.

Tiểu ban Kiểm toán trực tiếp chỉ đạo, điều hành, giám sát hoạt động của bộ phận kiểm toán nội bộ và thực thi chức trách theo quy định tại “Quy chế kiểm toán nội bộ Công ty Cổ phần dây và Cáp điện Taya Việt Nam” và quy định khác của pháp luật có liên quan./*The Audit Subcommittee directly directs, operates, and supervises the activities of the internal audit department and performs its duties as prescribed in the "Internal Audit Regulations of Taya Vietnam Electric Wire and Cable Joint Stock Company" and other relevant legal regulations.*

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị/*Activities of the Board of Directors*

Năm 2025 HĐQT đã họp 15 lần theo dõi, nắm bắt tình hình quản trị và hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Trong hội nghị, Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết vay vốn ngân hàng bổ sung vốn lưu động cho công ty, nhập khẩu máy móc thiết bị hiện đại tân tiến, cải tiến chất lượng sản phẩm và hiệu suất sản xuất. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025 công ty lãi khoảng 118,5 tỷ đồng./*In 2025, the Board of Directors met 15 times to monitor and grasp the company's management and production and business activities. During the meeting, the Board of Directors approved resolutions to borrow bank loans to supplement the company's working capital, import modern and advanced machinery and equipment, improve product quality and production efficiency. The company's business results in 2025 earned a profit of about 118.5 billion VND.*

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp)/*Activities of independent members of the Board of Directors. Activities of subcommittees in the Board of Directors: (assess the activities of subcommittees in the Board of Directors, specify the number of meetings of each subcommittee, the content and results of the meetings)*

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành/Activities of independent non-executive Board members

- Căn cứ quyền hạn và nghĩa vụ được giao, tuân theo Quy chế nội bộ quản trị công ty, Điều lệ công ty và quy định của pháp luật hiện hành, thành viên HĐQT độc lập tiến hành khảo sát thực tế và đánh giá mọi hoạt động của HĐQT./Based on the assigned authority and obligations, in compliance with the internal regulations on corporate governance, the Company Charter and current legal regulations, the independent member of the Board of Directors conducts a field survey and evaluates all activities of the Board of Directors.

► Giám sát và đánh giá công tác quản trị công ty/Monitor and evaluate corporate governance

- Hệ thống quản trị công ty vận hành tốt, hiệu quả cao và không vi phạm pháp luật./The company's governance system operates well, is highly effective and does not violate the law.

► Giám sát và đánh giá chiến lược kinh doanh, phát triển thị trường và đầu tư công nghệ/Monitor and evaluate business strategy, market development and technology investment.

- **Chiến lược kinh doanh:** linh động và đa dạng, tăng doanh thu và lợi nhuận do kinh tế thế giới phục hồi, nhu cầu thị trường mở rộng nâng cao hiệu quả kinh doanh của công ty./**Business strategy:** Flexible and diversified, increasing revenue and profit due to global economic recovery, expanding market demand, improving the company's business efficiency.

- **Phát triển thị trường:** nhiều khách hàng mới được khai thác mang lại tiềm năng mở rộng thị trường trong tương lai./**Market development:** many new customers are exploited, bringing potential for future market expansion.

- **Đầu tư công nghệ:** Máy móc thiết bị sản xuất hiện đại đã được nhập về công ty, hiệu quả sản xuất và chất lượng sản phẩm được nâng cao đáng kể./Modern production machinery and equipment have been imported to the company, significantly improving production efficiency and product quality.

Kết luận/Conclude:

HĐQT đã thực hiện đầy đủ chức năng đại diện của các chủ sở hữu trong việc giám sát hoạt động điều hành của Công ty, trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty./The Board of Directors has fully performed its representative function of the owners in supervising the Company's operations, on the basis of compliance with the provisions of law and the Company's Charter.

Bên cạnh việc thực hiện chức năng quản lý, giám sát công tác điều hành của Ban điều hành, HĐQT đã phối hợp chặt chẽ với Ban điều hành tìm ra những giải pháp tháo gỡ khó khăn trong sản xuất kinh doanh năm 2025./In addition to performing the management and supervision functions of the Executive Board, the Board of Directors has closely coordinated with the Executive Board to find solutions to overcome difficulties in production and business in 2025.

Nhìn chung, từ ảnh hưởng rất lớn về kinh tế toàn cầu phục hồi năm 2025, với tinh thần trách nhiệm cao, thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực và cẩn trọng trong chức năng nhiệm vụ của mình./In general, from the huge impact of the global economic recovery in 2025, with a high sense of responsibility, perform duties honestly and carefully in their functions and duties.

Hoạt động của tiểu ban kiểm toán/Activities of the audit committee

Tiểu ban kiểm toán đã thực hiện kiểm toán nội bộ của công ty năm 2025. Báo cáo kết quả thực hiện kiểm toán nội bộ đã được đăng tải trên website công ty. Tiểu ban kiểm toán nhận xét nội dung cũng như mặt kỹ

thuật kiểm toán của công ty rất chuyên nghiệp và hiệu quả, nhắc nhở mọi người tham gia cảnh giác, phát hiện, ngăn chặn rủi ro và nguy cơ phát sinh rủi ro./The audit subcommittee has performed the company's internal audit in 2025. The report on the results of the internal audit has been posted on the company's website. The audit subcommittee commented that the company's audit content and technical aspects were very professional and effective, reminding everyone involved to be vigilant, detect and prevent risks and the risk of risks arising.

Hoạt động của tiểu ban nhân sự, lương thưởng và tư vấn pháp lý/Activities of the human resources sub-committee, salary and bonus and legal advice

Công ty không thiết lập các tiểu ban Hội đồng quản trị, chỉ giao trách nhiệm ba thành viên Hội đồng quản trị độc lập chuyên trách công việc nhân sự, lương thưởng và tư vấn pháp lý của Hội đồng quản trị. Năm 2025 thành viên độc lập đã tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị 15 lần, thảo luận, đóng góp ý kiến liên quan hoạt động kinh doanh sản xuất của công ty, đồng thời xem xét, đệ trình Hội đồng quản trị quyết định đề bạt nhân sự, duyệt kế hoạch đào tạo tay nghề, điều chỉnh lương bổng, phát tiền thưởng cuối năm 2025 cho nhân viên công ty./The company does not establish sub-committees of the Board of Directors, only assigning responsibility to three independent members of the Board of Directors who are responsible for human resources, salary and bonus and legal advice of the Board of Directors. In 2025, independent members attended the Board of Directors meetings 15 times, discussed and contributed opinions related to the company's business and production activities, and considered and submitted to the Board of Directors for decisions. Promote personnel, approve skills training plans, adjust salaries, and distribute bonuses at the end of 2025 to company employees.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm/List of members of the Board of Directors with training certificates in corporate governance. List of Board of Directors members participating in corporate governance programs during the year

Do Thành viên Hội đồng quản trị của công ty là người nước ngoài đã tốt nghiệp và hoàn thành chương trình nghiên cứu chuyên môn và quản trị kinh doanh tại các nước như Hoa kỳ, Taiwan...có dày dặn kinh nghiệm thực tế trong điều hành và quản trị công ty. Các thành viên này không tham gia các khóa đào tạo quản trị công ty tại Việt nam. Riêng cán bộ quản lý Việt nam và người được ủy quyền công bố thông tin của công ty đã tham gia và hoàn thành khóa đào tạo quản trị công ty tại Việt nam./Because the company's Board of Directors members are foreigners who have graduated and completed professional research and business administration programs in countries such as the United States, Taiwan... with extensive practical experience in operations and corporate governance. These members do not participate in corporate governance training courses in Vietnam. Particularly, Vietnamese managers and people authorized to disclose information of the company have participated and completed a corporate governance training course in Vietnam.

2. Ban Kiểm soát/Board of Supervisors

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát/Members and structure of the Supervisory Board

Ông/Mr. Hung Chung Ming

Chức vụ hiện tại/Current position: Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam./Head of Supervisory Board of Taya Vietnam Electric Wire and Cable Joint Stock Company

Ngày tháng năm sinh/*Date of birth*: 05/04/1977

Nơi sinh/*Place of birth*: Tainan

Quốc tịch/*Nationality*: Taiwan (R.O.C) Dân tộc/*Ethnicity*: Hán/*Han*

Trình độ văn hóa/*Education level*: *Kun Shan University Taiwan*; chuyên ngành Tài chính kế toán./
majoring in Finance and Accounting

Tỷ lệ sở hữu cổ phần/*Shares ownership ratio*: 0 cổ phần/*Shares (0%)*.

Ông/Mr. Wang Wen Ruey

Chức vụ hiện tại/*Current position*: Thành viên Ban Kiểm Soát Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam/*Member of the Supervisory Board of Taya Vietnam Electric Wire and Cable Joint Stock Company*.

Tổng Giám đốc/*General Director of Cuprime Material Co., Ltd*

Giám đốc/*Manager of Taya Viet Nam (Cayman) Holding Ltd.*

Ngày tháng năm sinh/*Date of birth*: 31/8/1951

Nơi sinh/*Place of birth*: Taiwan

Quốc tịch/*Nationality*: Taiwan (R.O.C) Dân tộc/*Ethnicity*: Hán/*Han*

Trình độ văn hóa/*Education level*: Đại Học Đông Ngô, Đài Loan/*Dong Wu University, Taiwan*.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần/*Shares ownership ratio* 0 cổ phần/*Shares (0%)*.

Ông/Mr. Chiu Tsung Jen

Chức vụ hiện tại/*Current position*:: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP Dây và Cáp Điện TAYA Việt Nam/*Member of the Supervisory Board of Taya Vietnam Electric Wire and Cable Joint Stock Company*.

Tổng giám đốc/*General Director*: Ban xây dựng/*Construction Board of Taya Electric Wire & Cable Co., Ltd*

Tổng giám đốc/*General Director*: Công ty CPHH xây dựng Taya (Việt Nam)/*Taya (Vietnam) Construction Company*

Ngày tháng năm sinh/*Date of birth*: 30/09/1957

Nơi sinh/*Place of birth*: Taiwan.

Quốc tịch/*Nationality*: Taiwan (R.O.C) Dân tộc/*Ethnicity*: Hán/*Han*

Trình độ văn hóa/*Education level*: MBA Đại học California Hoa Kỳ/*MBA University of California, USA*.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần/*Shares ownership ratio*: 2.310 cổ phần/*Shares (0,01%)*.

b) Hoạt động của Ban kiểm soát/*Activities of the Supervisory Board*

Ban kiểm soát một năm họp bốn (4) lần, chủ yếu bàn thảo trao đổi kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị và Ban giám đốc. Mỗi quý Ban kiểm soát cử đại diện kiểm tra giám sát tình hình hoạt động và tài chính của công ty./*The Supervisory Board meets four (4) times a year, mainly discussing and exchanging supervision results with the Board of Directors and Board of Management. Every quarter, the Board of Supervisors appoints representatives to inspect and monitor the company's operations and finances.*

3. *Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/Transactions, remunerations and benefits of the Board of Directors, Board of Management and Board of Supervisors*

- a) **Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích, chi phí hoạt động của Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc/Salary, rewards, remuneration and other benefits and expenses for each member of the Board of Directors, the Board of Supervisors, General Director**

Phí và thưởng của HĐQT năm 2025 như sau/Fees and bonuses of the Board of Directors in 2025 are as follows:

Họ và tên/Full name	Chức vụ/Position	Phí và thưởng/ Fees and rewards	Phí bảo lãnh vay ngân hàng/Bank loan guarantee fee
Ông/Mr. Shen Shang Pang	Chủ tịch/ Chairman	4.045.004.691VND	2.067.376.888VND
Ông/Mr. Shen Shang Tao	Phó chủ tịch /Vice Chairman	2.118.417.716 VND	
Ông/Mr. Shen Shang Hung	Thành viên /Member	179.831.216 VND	
Ông/Mr. Shen San Yi	Thành viên /Member	179.831.216 VND	
Ông/Mr. Wang Ting Shu	Thành viên /Member (01/01/2025-15/04/2025)	179.831.216 VND	
Ông /Mr. Tsai Chung Cheng	Thành viên độc lập HĐQT/Independent member of the Board of Directors /(01/01/2025-15/04/2025)	179.831.216 VND	
Ông /Mr. Tu Ting Jui	Thành viên độc lập HĐQT/Independent member of the Board of Directors /(01/01/2025-15/04/2025)	179.831.216 VND	
Ông /Mr. Lin Fu Chih	Thành viên độc lập HĐQT/Independent member of the Board of Directors	179.831.216 VND	

Lương, thưởng và phúc lợi khác của ban Tổng giám đốc năm 2025/Salary, bonus and other benefits of the Board of General Directors in 2025

Họ và tên/Full name	Chức vụ/Position	Lương, thưởng và phúc lợi khác/ Salary, rewards, and other benefits
Ông/Mr. Hsu Ching Yao	Tổng giám đốc/General Manager	1.127.748.414 VND
Ông/Mr. Huang Shih Che	Phó Tổng giám đốc/ Deputy GM	791.158.789VND

Thù lao của thành viên HĐQT, BKS năm 2025/Remuneration of members of the Board of Directors and Supervisory Board in 2025

Lợi nhuận sau thuế năm 2025 của công ty khoảng 118,5 tỷ đồng, theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 15 tháng 04 năm 2025, công ty phải chi trả thù lao năm 2025 cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát với mức 3% lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ/The company's 2025 after-tax profit is about 118.5 billion VND. According to the Resolution of the General Meeting of Shareholders dated April 15, 2025, the company must pay 2025 remuneration to the Board of Directors and the Board of Supervisors at the rate of 3%

of the remaining after-tax profit after setting aside funds.

Chi phí hoạt động của HĐQT, BKS/Operating expenses of the Board of Directors and Board of Supervisors

Chi phí hoạt động năm 2025 của thành viên HĐQT và BKS công ty/Operating expenses in 2025 for members of the Board of Directors and Supervisory Board of the company

- Chi phí hoạt động của HĐQT/Operating expenses of the Board of Directors: 300.978.193 VND.
- Chi phí hoạt động của BKS/Operating costs of the Supervisory Board: 22.170.400 VND.

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ/Share transactions by internal shareholders

- Tháng 7/2025, Thành viên HĐQT ông Shen San Yi mua vào 10.700 cổ phiếu của công ty./In August 2025, Board of Directors member Mr. Shen San Yi bought 10,700 shares of the company.

Xung đột lợi ích với công ty/Conflict of interest with the company

- Không xung đột lợi ích/No conflicts of interest.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ năm 2025/Contracts or transactions with insiders in 2025

► Giao dịch với Công ty có liên quan/Transactions with Related Companies

1. Công ty TNHH Dây và Cáp điện Đại Á (Taya Electric Wire and Cable Co., Ltd)

- Nhập khẩu nguyên vật liệu/Import raw materials: 4.570.866.023VND
- Phí bản quyền và phí UL/Copyright fee and UL fee: 13.251.376.826VND
- Phí dịch vụ/Service fee: 19.447.192.500VND

2. Công ty TNHH Điện cơ Teco (Vietnam)/TECO (VIETNAM) ELECTRIC & MACHINERY CO., LTD

- Bán thành phẩm/finished goods: 43.811.342.383VND;
- Cho thuê văn phòng và nhà xưởng/Office and factory rental: 1.287.740.480VND

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty/Assessing the Implementation of regulations on corporate governance

- Công ty thực hiện việc Quản trị công ty phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành/The company carries out corporate governance in accordance with current legal regulations.

VI. Báo cáo tài chính (xem BCTC tổng hợp và Trụ sở chính năm 2025 tại www.taya.com.vn mục Quan hệ cổ đông)/Financial statements (Financial statements (see Consolidated financial statements and Head office 2025 at www.taya.com.vn, Investor Relations section)

1. Ý kiến kiểm toán/Audit opinion



Chi nhánh Công ty TNHH KPMG
Số 115 Đường Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 13 tháng 3 năm 2026, được trình bày từ trang 6 đến trang 35.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 25-01-00463-26-5



Nguyễn Thùy Ninh
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 4623-2023-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Bành Thúy Phương
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 4626-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 3 năm 2026

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		1.518.567.570.804	1.143.336.582.826
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	115.056.950.602	122.872.810.825
Tiền	111		115.056.950.602	102.872.810.825
Các khoản tương đương tiền	112		-	20.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		494.784.671.656	420.754.671.656
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	494.784.671.656	420.754.671.656
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		370.843.202.972	285.883.793.133
Phải thu của khách hàng	131	6(a)	350.423.900.193	280.671.720.959
Trả trước cho người bán	132	6(b)	13.833.249.979	416.805.259
Phải thu ngắn hạn khác	136	6(c)	7.610.012.088	5.819.226.203
Dự phòng phải thu khó đòi	137		(1.023.959.288)	(1.023.959.288)
Hàng tồn kho	140	7	454.334.770.875	281.460.862.454
Hàng tồn kho	141		456.738.344.225	283.728.534.516
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.403.573.350)	(2.267.672.062)
Tài sản ngắn hạn khác	150		83.547.974.699	32.364.444.758
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.776.898.378	3.067.211.126
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	12(a)	79.868.395.498	28.929.537.977
Thuế phải thu Nhà nước	153		217.182.974	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		685.497.849	367.695.655
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 260)	200		78.666.048.694	82.510.129.581
Tài sản cố định	220		72.263.709.479	73.003.437.763
Tài sản cố định hữu hình	221	8	72.149.936.148	73.003.437.763
Nguyên giá	222		533.501.198.791	522.218.218.616
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(461.351.262.643)	(449.214.780.853)
Tài sản cố định vô hình	227		113.773.331	-
Nguyên giá	228		1.128.878.800	1.000.078.800
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.015.105.469)	(1.000.078.800)
Tài sản dở dang dài hạn	240		1.445.745.688	3.092.276.182
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	9	1.445.745.688	3.092.276.182
Tài sản dài hạn khác	260		4.956.593.527	6.414.415.636
Chi phí trả trước dài hạn	261	10	4.499.549.955	5.900.843.075
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		457.043.572	513.572.561
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.597.233.619.498	1.225.846.712.407

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

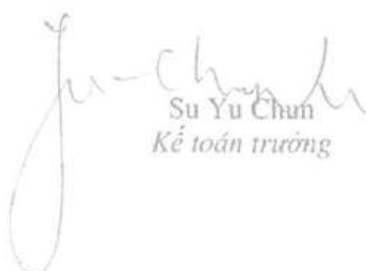
Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		956.243.067.190	676.232.013.780
Nợ ngắn hạn	310		956.243.067.190	676.232.013.780
Phải trả người bán	311	11	47.011.495.394	28.542.811.220
Người mua trả tiền trước	312		31.317.110.423	38.245.087.568
Thuế phải nộp Nhà nước	313	12(b)	6.368.192.323	6.422.887.190
Phải trả người lao động	314		10.279.491.281	9.574.267.099
Chi phí phải trả	315		3.404.798.359	4.898.402.852
Phải trả ngắn hạn khác	319		876.756.565	44.452.498
Vay ngắn hạn	320	13	856.985.222.845	588.504.105.353
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		640.990.552.308	549.614.698.627
Vốn chủ sở hữu	410	14	640.990.552.308	549.614.698.627
Vốn cổ phần	411	15	306.899.450.637	306.899.450.637
Cổ phiếu quỹ	415	15	(272.840.000)	(272.840.000)
Quỹ đầu tư và phát triển	418	17	115.941.020.149	104.304.882.632
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		218.422.921.522	138.683.205.358
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lấy kể đến cuối năm trước	421a		99.910.847.223	61.108.955.245
- Lợi nhuận thuần trong năm	421b		118.512.074.299	77.574.250.113
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.597.233.619.498	1.225.846.712.407

Ngày 13 tháng 3 năm 2026

Người lập:


 Su Yu Chun
 Kế toán trưởng



Người duyệt:


 Hsu Ching Yao
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B 02 – DN

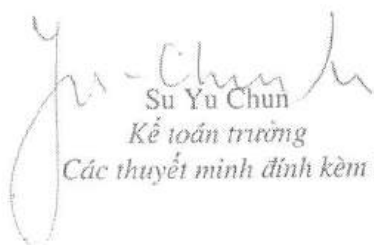
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2025 VND	2024 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	2.346.649.714.331	1.860.879.482.477
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	19	-	1.780.000
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	19	2.346.649.714.331	1.860.877.702.477
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	20	2.092.819.128.263	1.681.440.047.437
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		253.830.586.068	179.437.655.040
Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	41.520.671.082	33.744.571.943
Chi phí tài chính	22	22	58.182.007.050	37.989.312.006
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		37.714.808.045	24.179.522.389
Chi phí bán hàng	25	23	42.574.613.375	33.473.874.671
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	44.944.271.272	44.012.985.314
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		149.650.365.453	97.706.054.992
Thu nhập khác	31		294.860.349	397.424.892
Chi phí khác	32		1.435.639.771	978.143.477
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(1.140.779.422)	(580.718.585)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		148.509.586.031	97.125.336.407
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	29.940.982.743	19.528.067.647
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	26	56.528.989	23.018.647
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		118.512.074.299	77.574.250.113
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	3.747	2.453

Ngày 13 tháng 3 năm 2026

Người lập:

Người duyệt:


Su Yu Chun
Kế toán trưởng


Hsu Ching Yao
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2025 VND	2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	148.509.586.031	97.125.336.407
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao	02	13.336.043.199	13.539.532.380
Các khoản dự phòng	03	135.901.288	(138.091.372)
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	1.033.311.080	(1.424.168.609)
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	05	(112.037.037)	(390.872.296)
Lãi tiền gửi	05	(30.827.718.834)	(19.281.199.988)
Chi phí lãi vay và phí bảo lãnh	06	39.782.184.933	24.179.522.389
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	171.857.270.660	113.610.058.911
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09	(132.351.246.562)	(45.333.350.715)
Biến động hàng tồn kho	10	(174.155.555.397)	3.136.720.073
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	11.539.271.398	15.521.753.181
Biến động chi phí trả trước	12	1.691.605.868	(2.698.862.075)
		(121.418.654.033)	84.236.319.375
Tiền lãi vay và phí bảo lãnh đã trả	14	(38.441.797.142)	(23.955.368.369)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(31.600.326.573)	(17.089.230.167)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.978.143.378)	(24.513.583)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(193.438.921.126)	43.167.207.256
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(13.379.974.525)	(9.541.393.836)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	112.037.037	390.872.296
Tiền chi gửi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	23	(953.680.000.000)	(634.771.261.503)
Tiền thu hồi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	24	879.650.000.000	482.868.571.503
Tiền thu lãi tiền gửi	27	29.026.927.741	17.847.218.395
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(58.271.009.747)	(143.205.993.145)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2025 VND	2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền vay ngắn hạn nhận được	33	2.203.749.766.714	1.563.910.798.710
Tiền chi trả nợ gốc vay ngắn hạn	34	(1.934.455.995.974)	(1.381.557.138.110)
Tiền chi trả cổ tức	36	(25.158.077.240)	(7.670.145.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	244.135.693.500	174.683.515.100
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(7.574.237.373)	74.644.729.211
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	122.872.810.825	48.132.538.897
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	(241.622.850)	95.542.717
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 4)	70	115.056.950.602	122.872.810.825

Ngày 13 tháng 3 năm 2026

Người lập:

Su Yu Chun
Su Yu Chun
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Hsu Ghing Yao
Hsu Ghing Yao
Tổng Giám đốc



KPMG Limited Branch
No. 115 Nguyen Hue Street,
Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

INDEPENDENT AUDITOR'S REPORT

To the Shareholders

Taya (Vietnam) Electric Wire and Cable Joint Stock Company

We have audited the accompanying financial statements of Taya (Vietnam) Electric Wire and Cable Joint Stock Company ("the Company"), which comprise the balance sheet as at 31 December 2025, the statements of income and cash flows for the year then ended and the explanatory notes thereto which were authorised for issue by the Company's Board of Directors on 13 March 2026, as set out on pages 6 to 35.

Management's Responsibility

The Company's Board of Directors is responsible for the preparation and true and fair presentation of these financial statements in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Accounting System for Enterprises and the relevant statutory requirements applicable to financial reporting, and for such internal control as the Board of Directors determines is necessary to enable the preparation of financial statements that are free from material misstatement, whether due to fraud or error.

Auditor's Responsibility

Our responsibility is to express an opinion on these financial statements based on our audit. We conducted our audit in accordance with Vietnamese Standards on Auditing. Those standards require that we comply with ethical requirements and plan and perform the audit to obtain reasonable assurance about whether the financial statements are free of material misstatement.

An audit involves performing procedures to obtain audit evidence about the amounts and disclosures in the financial statements. The procedures selected depend on the auditor's judgement, including the assessment of the risks of material misstatement of the financial statements, whether due to fraud or error. In making those risk assessments, the auditor considers internal control relevant to the Company's preparation and true and fair presentation of the financial statements in order to design audit procedures that are appropriate in the circumstances, but not for the purpose of expressing an opinion on the effectiveness of the Company's internal control. An audit also includes evaluating the appropriateness of accounting policies used and the reasonableness of accounting estimates made by the Company's Board of Directors, as well as evaluating the overall presentation of the financial statements.

We believe that the audit evidence we have obtained is sufficient and appropriate to provide a basis for our audit opinion.



Auditor's Opinion

In our opinion, the financial statements give a true and fair view, in all material respects, of the financial position of Taya (Vietnam) Electric Wire and Cable Joint Stock Company as at 31 December 2025 and of its results of operations and its cash flows for the year then ended in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Accounting System for Enterprises and the relevant statutory requirements applicable to financial reporting.

KPMG Limited Branch

Vietnam

Audit Report No.: 25-01-00463-26-5



Nguyen Thuy Ninh
Practicing Auditor Registration
Certificate No. 4623-2023-007-1
Deputy General Director

Banh Thuy Phuong
Practicing Auditor Registration
Certificate No. 4626-2023-007-1

Ho Chi Minh City, 13 March 2026



Taya (Vietnam) Electric Wire and Cable Joint Stock Company
Balance sheet as at 31 December 2025

Form B 01 – DN

*(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)*

	Code	Note	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
ASSETS				
Current assets (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		1,518,567,570,804	1,143,336,582,826
Cash and cash equivalents	110	4	115,056,950,602	122,872,810,825
Cash	111		115,056,950,602	102,872,810,825
Cash equivalents	112		-	20,000,000,000
Short-term financial investments	120		494,784,671,656	420,754,671,656
Held-to-maturity investments	123	5	494,784,671,656	420,754,671,656
Accounts receivable – short-term	130		370,843,202,972	285,883,793,133
Accounts receivable from customers	131	6(a)	350,423,900,193	280,671,720,959
Prepayments to suppliers	132	6(b)	13,833,249,979	416,805,259
Other short-term receivables	136	6(c)	7,610,012,088	5,819,226,203
Allowance for doubtful debts	137		(1,023,959,288)	(1,023,959,288)
Inventories	140	7	454,334,770,875	281,460,862,454
Inventories	141		456,738,344,225	283,728,534,516
Allowance for inventories	149		(2,403,573,350)	(2,267,672,062)
Other current assets	150		83,547,974,699	32,364,444,758
Short-term prepaid expenses	151		2,776,898,378	3,067,211,126
Deductible value added tax	152	12(a)	79,868,395,498	28,929,537,977
Taxes receivable from State Treasury	153		217,182,974	-
Other current assets	155		685,497,849	367,695,655
Long-term assets (200 = 220 + 240 + 260)	200		78,666,048,694	82,510,129,581
Fixed assets	220		72,263,709,479	73,003,437,763
Tangible fixed assets	221	8	72,149,936,148	73,003,437,763
Cost	222		533,501,198,791	522,218,218,616
Accumulated depreciation	223		(461,351,262,643)	(449,214,780,853)
Intangible fixed assets	227		113,773,331	-
Cost	228		1,128,878,800	1,000,078,800
Accumulated amortisation	229		(1,015,105,469)	(1,000,078,800)
Long-term work in progress	240		1,445,745,688	3,092,276,182
Construction in progress	242	9	1,445,745,688	3,092,276,182
Other long-term assets	260		4,956,593,527	6,414,415,636
Long-term prepaid expenses	261	10	4,499,549,955	5,900,843,075
Deferred tax assets	262		457,043,572	513,572,561
TOTAL ASSETS (270 = 100 + 200)	270		1,597,233,619,498	1,225,846,712,407

The accompanying notes are an integral part of these financial statements

Taya (Vietnam) Electric Wire and Cable Joint Stock Company
Balance sheet as at 31 December 2025 (continued)

Form B 01 – DN

*(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)*

	Code	Note	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
RESOURCES				
LIABILITIES (300 = 310)	300		956,243,067,190	676,232,013,780
Current liabilities	310		956,243,067,190	676,232,013,780
Accounts payable to suppliers	311	11	47,011,495,394	28,542,811,220
Advances from customers	312		31,317,110,423	38,245,087,568
Taxes payable to State Treasury	313	12(b)	6,368,192,323	6,422,887,190
Payables to employees	314		10,279,491,281	9,574,267,099
Accrued expenses	315		3,404,798,359	4,898,402,852
Other short-term payables	319		876,756,565	44,452,498
Short-term borrowings	320	13	856,985,222,845	588,504,105,353
EQUITY (400 = 410)	400		640,990,552,308	549,614,698,627
Owners' equity	410	14	640,990,552,308	549,614,698,627
Share capital	411	15	306,899,450,637	306,899,450,637
Treasury shares	415	15	(272,840,000)	(272,840,000)
Investment and development fund	418	17	115,941,020,149	104,304,882,632
Retained profits	421		218,422,921,522	138,683,205,358
- Retained profits brought forward	421a		99,910,847,223	61,108,955,245
- Net profit for the year	421b		118,512,074,299	77,574,250,113
TOTAL RESOURCES (440 = 300 + 400)	440		1,597,233,619,498	1,225,846,712,407

13 March 2026

Prepared by:

Su Yu Chun
Su Yu Chun
Chief Accountant

Approved by:

Hsu Chinh Yao
General Director

Taya (Vietnam) Electric Wire and Cable Joint Stock Company
Statement of income for the year ended 31 December 2025

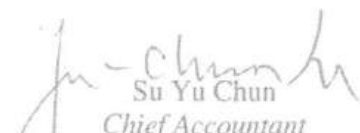
Form B 02 – DN

(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

	Code	Note	2025 VND	2024 VND
Revenue from sale of goods and provision of services	01	19	2,346,649,714,331	1,860,879,482,477
Revenue deductions	02	19	-	1,780,000
Net revenue (10 = 01 - 02)	10	19	2,346,649,714,331	1,860,877,702,477
Cost of sales and services	11	20	2,092,819,128,263	1,681,440,047,437
Gross profit (20 = 10 - 11)	20		253,830,586,068	179,437,655,040
Financial income	21	21	41,520,671,082	33,744,571,943
Financial expenses	22	22	58,182,007,050	37,989,312,006
In which: Interest expense	23		37,714,808,045	24,179,522,389
Selling expenses	25	23	42,574,613,375	33,473,874,671
General and administration expenses	26	24	44,944,271,272	44,012,985,314
Net operating profit {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		149,650,365,453	97,706,054,992
Other income	31		294,860,349	397,424,892
Other expenses	32		1,435,639,771	978,143,477
Results of other activities (40 = 31 - 32)	40		(1,140,779,422)	(580,718,585)
Accounting profit before tax (50 = 30 + 40)	50		148,509,586,031	97,125,336,407
Income tax expense – current	51	26	29,940,982,743	19,528,067,647
Income tax expense – deferred	52	26	56,528,989	23,018,647
Net profit after tax (60 = 50 - 51 - 52)	60		118,512,074,299	77,574,250,113
Basic earnings per share	70	27	3,747	2,453

13 March 2026

Prepared by:


Su Yu Chun
Chief Accountant


Approved by:
Hsu-Ching Yao
General Director

The accompanying notes are an integral part of these financial statements

Taya (Vietnam) Electric Wire and Cable Joint Stock Company
Statement of cash flows for the year ended 31 December 2025
(Indirect method)

Form B 03 – DN

*(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)*

	Code	2025 VND	2024 VND
CASH FLOWS FROM OPERATING ACTIVITIES			
Accounting profit before tax	01	148,509,586,031	97,125,336,407
Adjustments for			
Depreciation and amortisation	02	13,336,043,199	13,539,532,380
Allowances and provisions	03	135,901,288	(138,091,372)
Exchange losses/(gains) arising from revaluation of monetary items denominated in foreign currencies	-04	1,033,311,080	(1,424,168,609)
Gains on disposals of fixed assets	05	(112,037,037)	(390,872,296)
Interest income	05	(30,827,718,834)	(19,281,199,988)
Interest expense and guarantee fee	06	39,782,184,933	24,179,522,389
Operating profit before changes in working capital	08	171,857,270,660	113,610,058,911
Change in receivables and other assets	09	(132,351,246,562)	(45,333,350,715)
Change in inventories	10	(174,155,555,397)	3,136,720,073
Change in payables and other liabilities	11	11,539,271,398	15,521,753,181
Change in prepaid expenses	12	1,691,605,868	(2,698,862,075)
		(121,418,654,033)	84,236,319,375
Interest expense and guarantee fee paid	14	(38,441,797,142)	(23,955,368,369)
Corporate income tax paid	15	(31,600,326,573)	(17,089,230,167)
Other payments for operating activities	17	(1,978,143,378)	(24,513,583)
Net cash flows from operating activities	20	(193,438,921,126)	43,167,207,256
CASH FLOWS FROM INVESTING ACTIVITIES			
Payments for additions to fixed assets and other long-term assets	21	(13,379,974,525)	(9,541,393,836)
Proceeds from disposals of fixed assets	22	112,037,037	390,872,296
Placements of term deposits at banks	23	(953,680,000,000)	(634,771,261,503)
Collections of term deposits at banks	24	879,650,000,000	482,868,571,503
Receipts of interest	27	29,026,927,741	17,847,218,395
Net cash flows from investing activities	30	(58,271,009,747)	(143,205,993,145)

The accompanying notes are an integral part of these financial statements

Taya (Vietnam) Electric Wire and Cable Joint Stock Company
Statement of cash flows for the year ended 31 December 2025
(Indirect method – continued)

Form B 03 – DN

*(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)*

	Code	2025 VND	2024 VND
CASH FLOWS FROM FINANCING ACTIVITIES			
Proceeds from short-term borrowings	33	2,203,749,766,714	1,563,910,798,710
Payments to settle short-term borrowings	34	(1,934,455,995,974)	(1,381,557,138,110)
Payments of dividends	36	(25,158,077,240)	(7,670,145,500)
Net cash flows from financing activities	40	244,135,693,500	174,683,515,100
Net cash flows during the year (50 = 20 + 30 + 40)	50	(7,574,237,373)	74,644,729,211
Cash and cash equivalents at beginning of the year	60	122,872,810,825	48,132,538,897
Effect of exchange rate fluctuations on cash and cash equivalents	61	(241,622,850)	95,542,717
Cash and cash equivalents at end of the year (70 = 50 + 60 + 61) (Note 4)	70	115,056,950,602	122,872,810,825

13 March 2026

Prepared by:

Su Yu Chun
Su Yu Chun
Chief Accountant

Approved by:

Hsu Ching Yao
Hsu Ching Yao
General Director

101 K 2 Y N 111

Legal representative

Tổng Giám Đốc/General Director



Hsu Ching Yao

Hsu Ching Yao